



ISPAAE

Số Tháng 2/2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN**

THỊ TRƯỜNG **ASEAN**

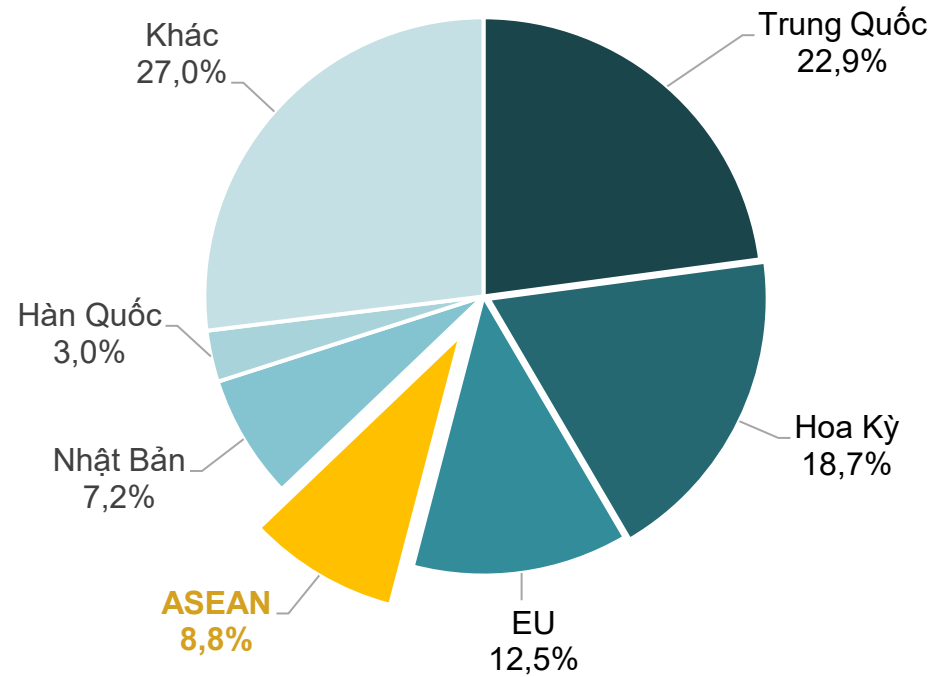


Thực hiện bởi:

AGREINFOS

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG ASEAN THÁNG 1/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường ASEAN, T1/2026

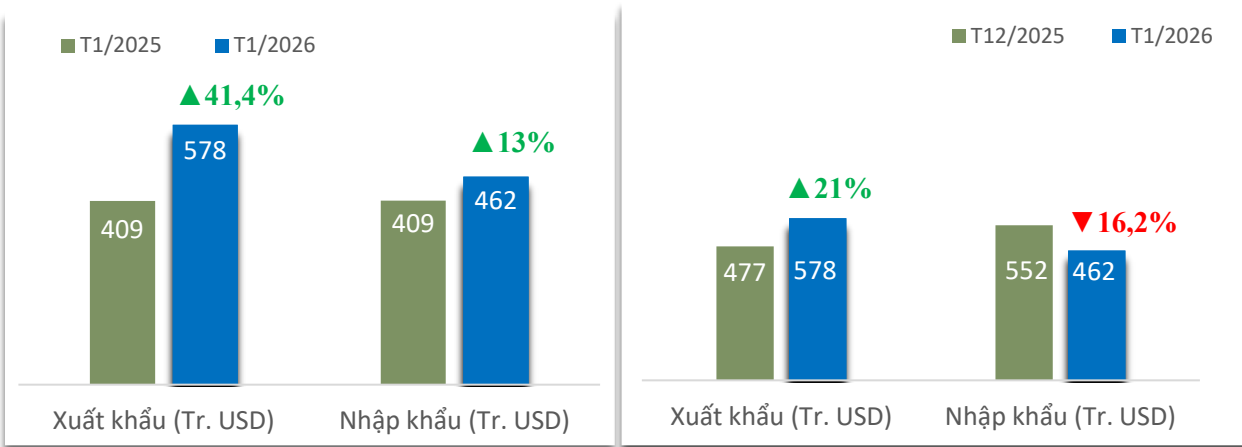


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường ASEAN T1/2026 so với T12/2025 và T1/2025

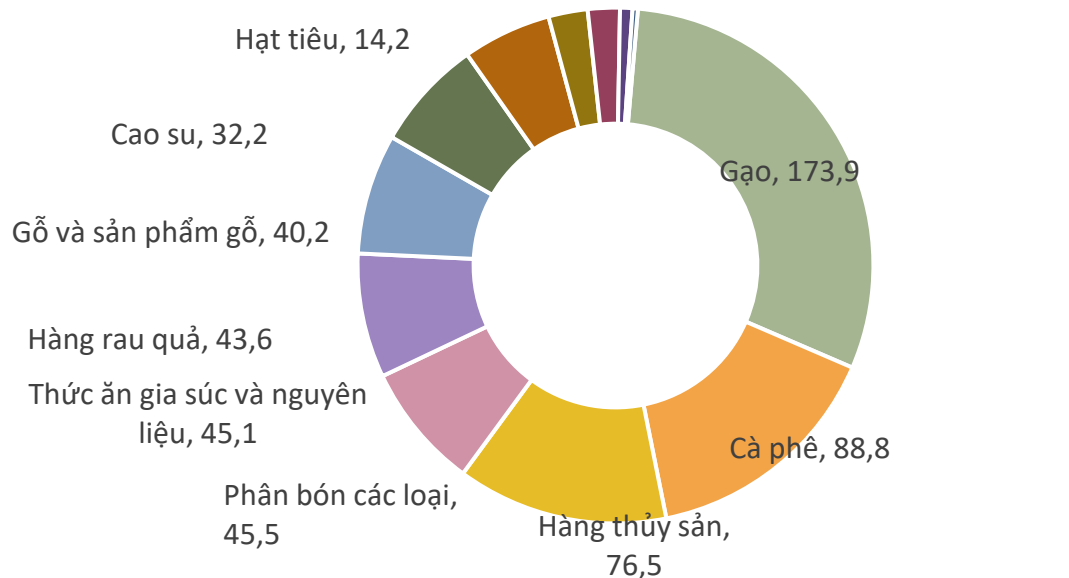
| Thị trường | Giá trị (triệu USD) | So với T12/2025 | So với T1/2025 |
|----------------|---------------------|-----------------|----------------|
| Trung Quốc | 1.506 | ▼ 2,9% | ▲ 5,0% |
| Hoa Kỳ | 1.230 | ▼ 0,5% | ▼ 3,3% |
| EU | 824 | ▲ 0,8% | ▲ 0,3% |
| ASEAN | 578 | ▲ 1,6% | ▲ 0,6% |
| Nhật Bản | 474 | ▲ 0,9% | ▼ 0,5% |
| Hàn Quốc | 196 | ▲ 0,1% | ▼ 1,1% |
| Tổng XK | 6.583 | | |

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG ASEAN THÁNG 1/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS VN – ASEAN, T1/2026



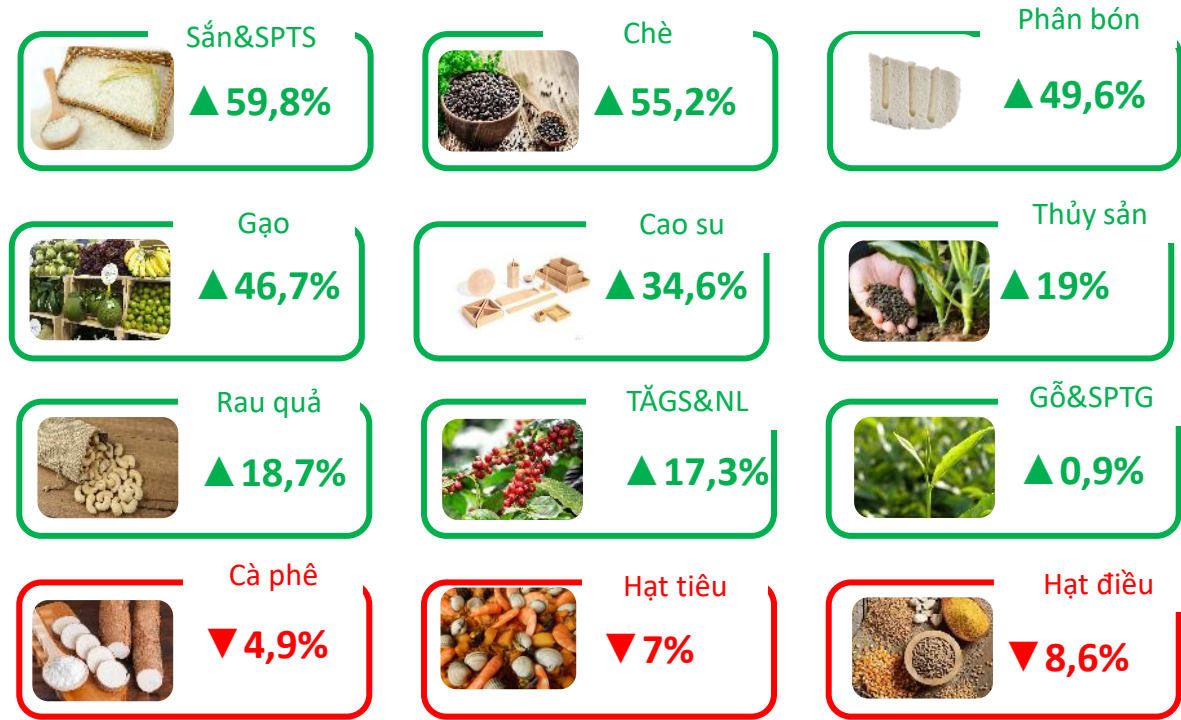
Kim ngạch xuất khẩu NLTS sang ASEAN, T1/2026



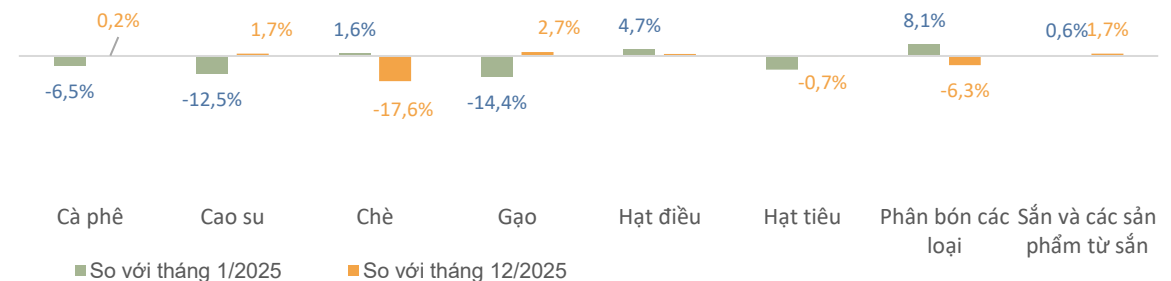
Đơn vị: Triệu USD

Nguồn: Cục Hải quan

Biến động giá trị xuất khẩu NLTS sang ASEAN T1/2026 so với T12/2025



Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS sang ASEAN T1/2026 so với T1/2025 và so với T12/2025



Các xu hướng lớn ảnh hưởng đến Đông Nam Á trong năm 2026

Năm 2026, kinh tế Đông Nam Á tiếp tục chịu nhiều tác động từ thương mại quốc tế và các chính sách thuế quan, đặc biệt là xung đột ở Trung Đông và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Tuy vậy, tăng trưởng của khu vực vẫn được duy trì tương đối ổn định nhờ các yếu tố như xuất khẩu, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu sang Đông Nam Á.



Nhu cầu nội địa và chính sách tiền tệ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế khu vực. Một số quốc gia như Việt Nam, Malaysia và Singapore đã đạt mức tăng trưởng vượt kỳ vọng trong năm 2025 và dự kiến tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ phù hợp để thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư trong nước, dù vẫn đối mặt với nguy cơ lạm phát gia tăng do chi phí năng lượng và biến động địa chính trị.

Nguồn: diendandoanhngiep.vn

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập trong ASEAN

Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh Campuchia-ASEAN 2026 tổ chức tại Phnom Penh (3–4/3/2026) nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường hội nhập khu vực và phát triển bền vững. Sự kiện quy tụ các lãnh đạo chính phủ, doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhà hoạch định chính sách trong ASEAN tập trung thảo luận về đổi mới, phát triển công nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động, ASEAN được đánh giá là một trung tâm tăng trưởng năng động với triển vọng trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới vào năm 2045. Dòng vốn FDI vào ASEAN tiếp tục tăng mạnh, đạt khoảng 226 tỷ USD năm 2024, cho thấy khu vực không chỉ là điểm đến thay thế mà đang trở thành trung tâm chiến lược của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nguồn: vov.vn



Các xu hướng lớn ảnh hưởng đến Đông Nam Á trong năm 2026



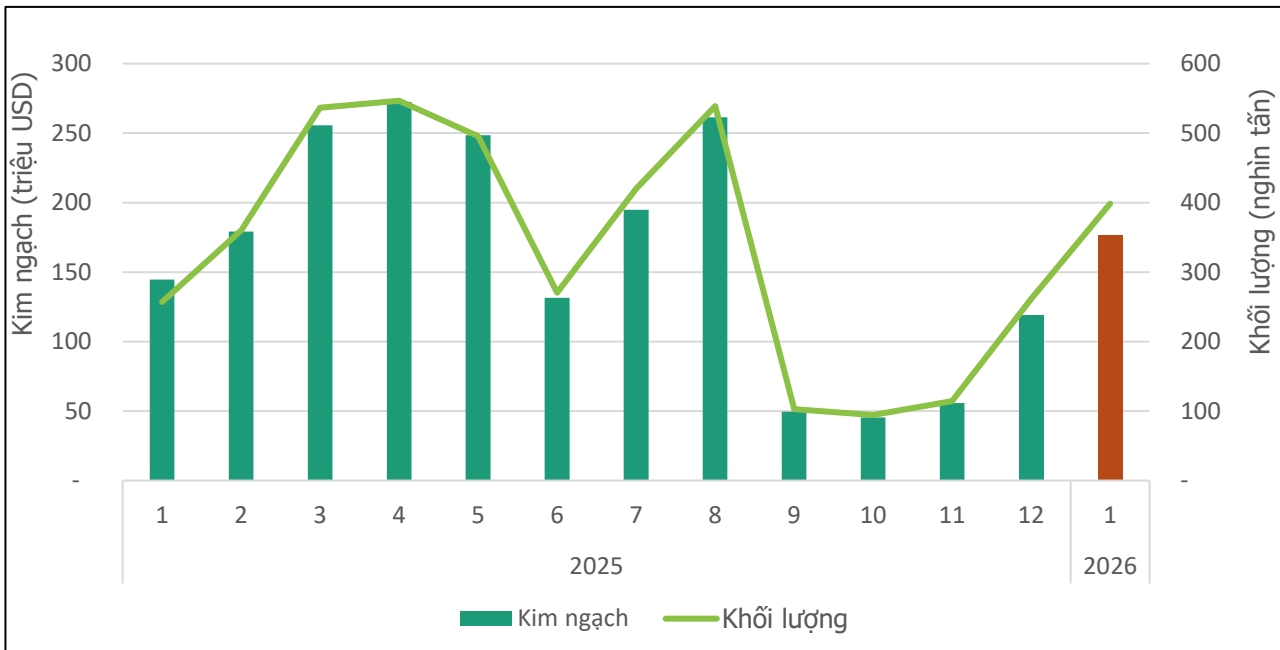
Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập trong ASEAN





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN, T1/2026

KIM NGẠCH

176,4 triệu USD

↗ Tăng **48,4%** so với T12/2025

↗ Tăng **21,9%** so với T1/2025

↗ Cao hơn **12,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Kim ngạch xuất khẩu T1/2026 bằng **9,0%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG

398,5 nghìn tấn

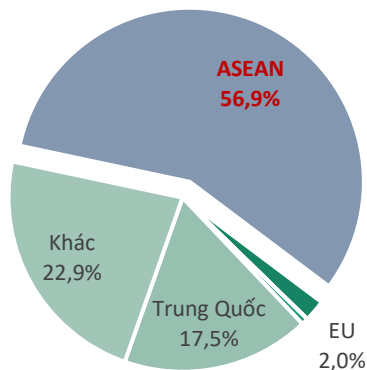
↗ Tăng **52,7%** so với T12/2025

↗ Tăng **55,0%** so với T1/2025

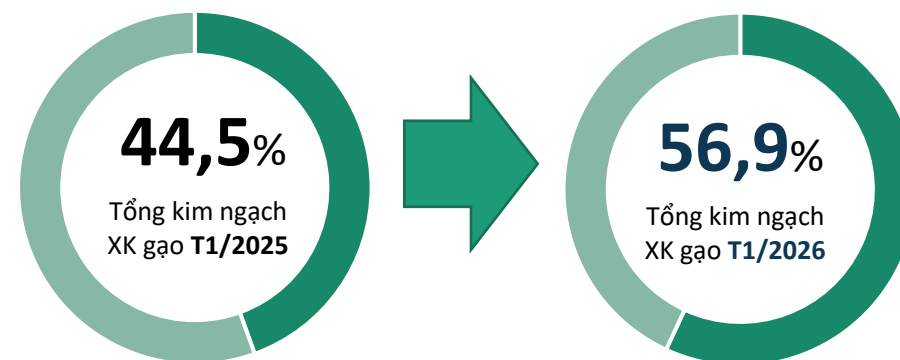
↗ Cao hơn **27,1 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Khối lượng xuất khẩu T1/2026 bằng **10,0%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường ASEAN, T1/2026



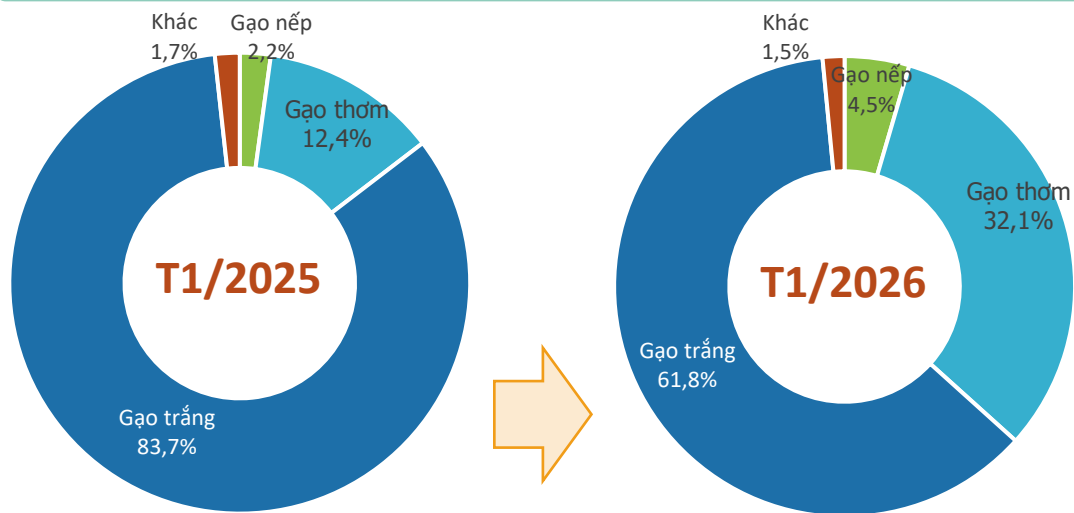
Biến động tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường ASEAN, T1/2026





LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN, T1/2026



Gạo trắng

Kim ngạch: **101,8** triệu USD
 Tăng **43%** so với T12/2025
 Giảm **16%** so với T1/2025

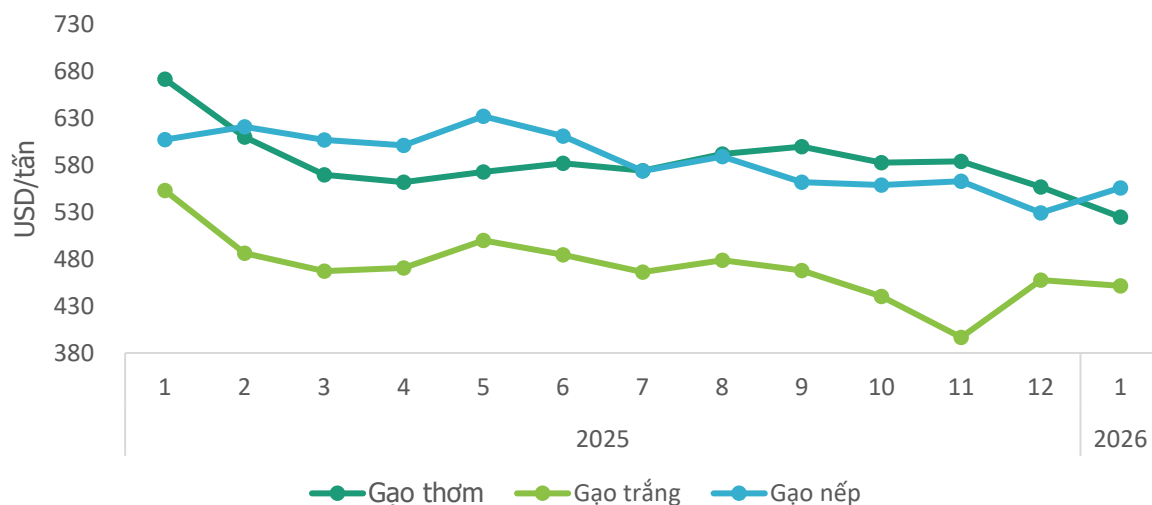
Gạo thơm

Kim ngạch: **53,0** triệu USD
 Tăng **117%** so với T12/2025
 Tăng **194%** so với T1/2025

Gạo nếp

Kim ngạch: **7,5** triệu USD
 Giảm **32%** so với T12/2025
 Tăng **139%** so với T1/2025

Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T1/2026



Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **556 USD/tấn**; **tăng 5%** so với tháng trước; và **giảm 8%** so với cùng kỳ năm 2025.

Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **525 USD/tấn**; **giảm 6%** so với tháng trước; và **giảm 22%** so với cùng kỳ năm 2025.

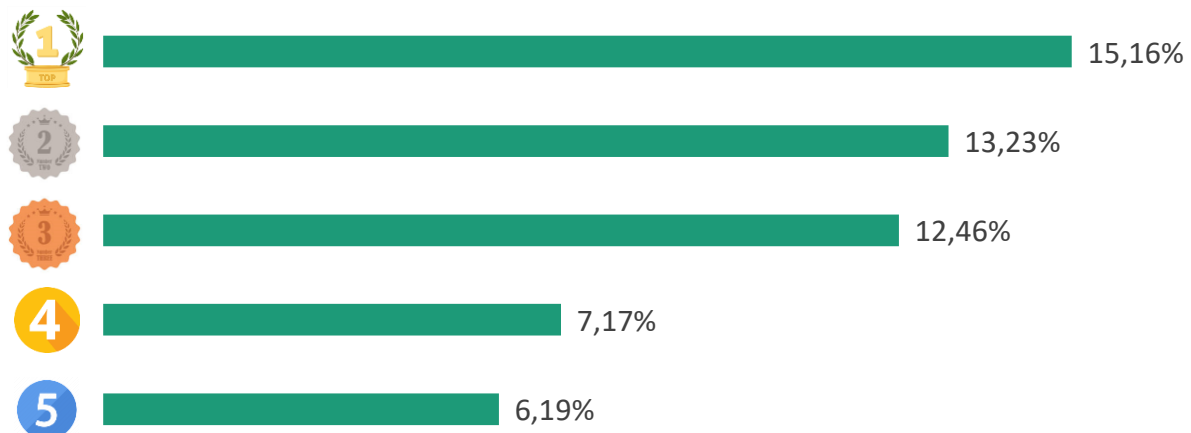
Gạo trắng

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **452 USD/tấn**; **giảm 1%** so với tháng trước; và **giảm 18%** so với cùng kỳ năm 2025.

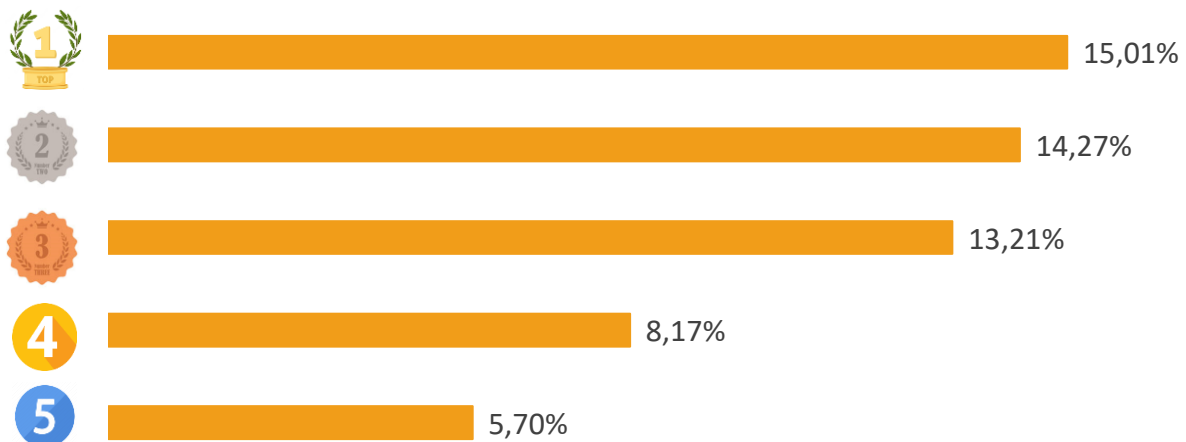


LÚA GẠO

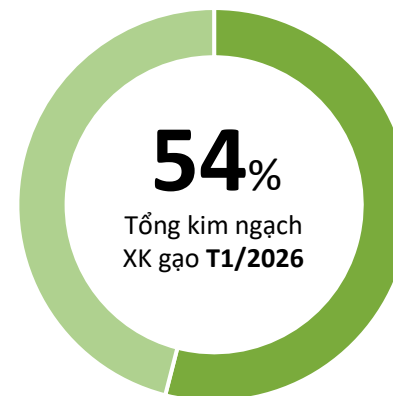
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T1/2026



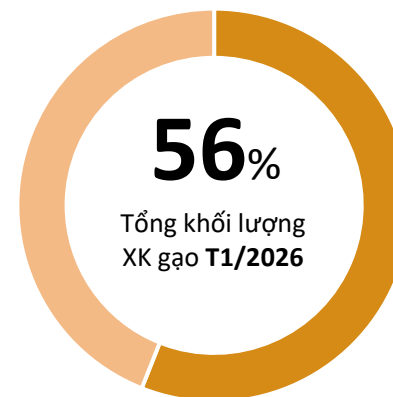
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng XK sang thị trường ASEAN, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp XK sang thị trường ASEAN, T1/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp XK sang thị trường ASEAN, T1/2026





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO ASEAN

01

Theo Bộ Nông nghiệp Philippines, tính đến ngày 26/2/2026, lượng gạo nhập khẩu vào nước này đã vượt 700.000 tấn, trong đó khoảng 374.000 tấn được nhập trong tháng 1 và 333.000 tấn trong tháng 2. Mức nhập khẩu này nằm trong khoảng nhu cầu dự kiến khoảng 300.000–400.000 tấn mỗi tháng nhằm đảm bảo nguồn cung cho thị trường trong nước. Cơ quan quản lý cho biết việc nhập khẩu được điều tiết nhằm ổn định giá lương thực, đồng thời các doanh nghiệp nhập khẩu cũng đã thống nhất hạn chế khối lượng nhập trong giai đoạn cao điểm thu hoạch để tránh gây áp lực lên giá lúa của nông dân trong nước.

pna.gov

02

Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan, xuất khẩu gạo của nước này trong tháng 1/2026 đạt khoảng 530.287 tấn, giảm 17,5% so với cùng kỳ năm trước, trong bối cảnh đồng THB mạnh lên làm suy giảm khả năng cạnh tranh của gạo Thái Lan trên thị trường quốc tế. Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 9,7 tỷ THB (tương đương 313 triệu USD), giảm 30,7% tính theo đồng nội tệ và 23,9% tính theo USD so với cùng kỳ. Trước diễn biến này, ngành gạo Thái Lan dự báo tổng xuất khẩu trong năm 2026 có thể giảm xuống khoảng 7,03 triệu tấn, thấp hơn đáng kể so với mức 7,9 triệu tấn của năm 2025, phản ánh áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng trên thị trường gạo toàn cầu.

Nguồn: nationthailand.com



TIN LIÊN QUAN



LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO ASEAN

03

Ngành lúa gạo Thái Lan sẽ duy trì sản lượng ổn định trong năm 2026 nhờ hiện tượng La Niña, ước đạt khoảng 35,4 - 35,7 triệu tấn lúa (tương đương 23,0 - 23,2 triệu tấn gạo). Tuy nhiên, giai đoạn 2027 - 2028 sản lượng có thể giảm xuống còn 30,1 - 33,1 triệu tấn lúa mỗi năm do sự quay trở lại của El Niño gây hạn hán nghiêm trọng. Tiêu thụ nội địa trong giai đoạn 2026 - 2028 dự báo tăng trưởng từ 2,6% - 3,6% mỗi năm, đạt mức 14,0 - 14,9 triệu tấn gạo nhờ sự phục hồi của ngành du lịch và các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Dầu vậy, chi phí sản xuất vẫn duy trì ở mức cao đối với các mặt hàng phân bón, năng lượng và nhân công, gây áp lực trực tiếp lên lợi nhuận của toàn bộ chuỗi giá trị từ nông dân đến các doanh nghiệp xay xát.

Xuất khẩu gạo của Thái Lan trong giai đoạn 2026 - 2028 sẽ thu hẹp, dao động trong khoảng 7,6 - 8,1 triệu tấn do áp lực cạnh tranh gay gắt từ Ấn Độ. Năm 2025, xuất khẩu giảm 20,0% so với mức kỷ lục 10 triệu tấn năm 2024. Ngoài rủi ro khí hậu, ngành gạo còn đối mặt với các rào cản phi thuế quan và quy chuẩn bền vững khắt khe từ thị trường Hoa Kỳ và Châu Âu. Để thích ứng, các doanh nghiệp đang tập trung vào chiến lược khác biệt hóa sản phẩm thông qua gạo đặc sản và ứng dụng AI vào quy trình sản xuất nhằm tối ưu hóa năng lực cạnh tranh trong bối cảnh giá gạo trắng năm 2024 từng giảm xuống mức 10.632 THB/tấn (309 USD/tấn)

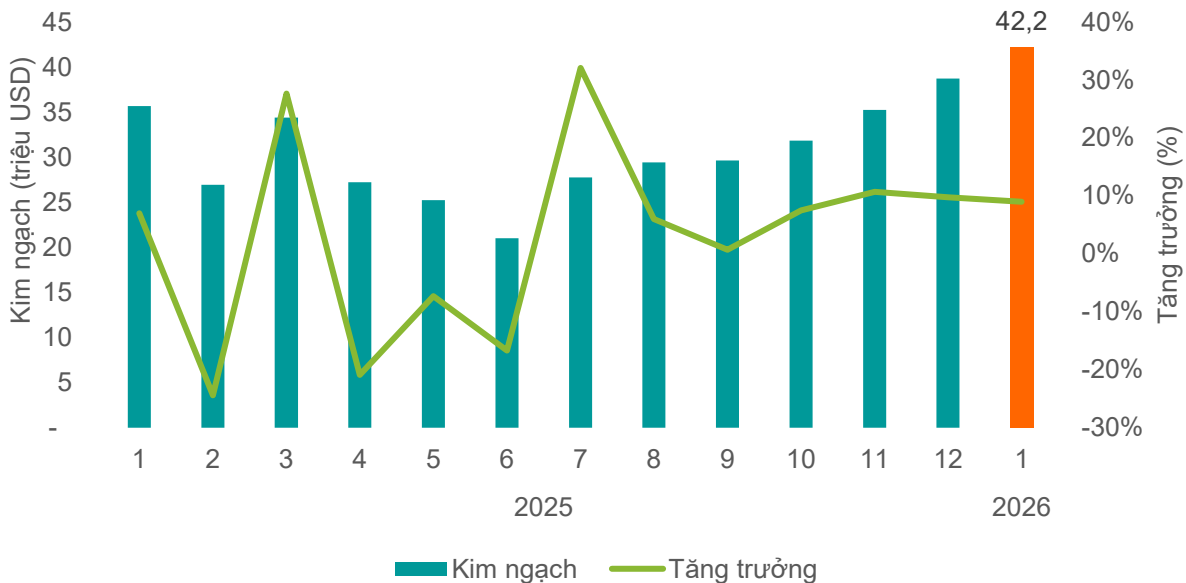


Nguồn: krungsri.com



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN, T1/2026

KIM NGẠCH

42,2
triệu USD

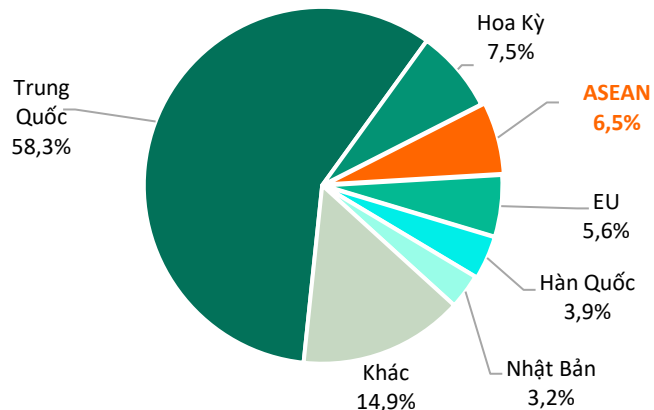
Tăng **9,0%** so với T12/2025

Tăng **18,2%** so với T1/2025

Cao hơn **11,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Tháng 1/2026 đạt **42,2 triệu USD**, đạt **11,6%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường ASEAN, T1/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường ASEAN, T1/2026



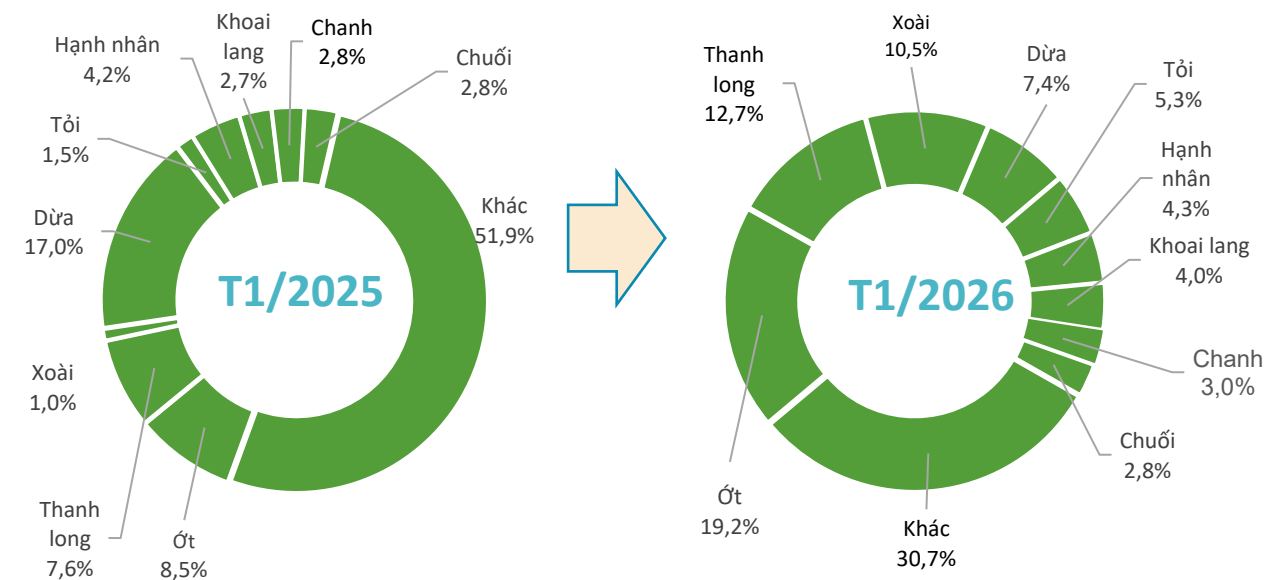
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026

Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN, T1/2026



Ớt

Kim ngạch: **8,1** triệu USD
 Tăng **48,8%** so với T12/2025
 Tăng **167,9%** so với T1/2025



Thanh long

Kim ngạch: **5,4** triệu USD
 Tăng **7,3%** so với T12/2025
 Tăng **97,2%** so với T1/2025



Xoài

Kim ngạch: **4,4** triệu USD
 Giảm **21,4%** so với T12/2025
 Cao hơn **12,7** lần so với T1/2025



Dưa

Kim ngạch: **3,1** triệu USD
 Tăng **69,5%** so với T12/2025
 Giảm **48,3%** so với T1/2025



Tỏi

Kim ngạch: **2,2** triệu USD
 Tăng **16,2%** so với T12/2025
 Tăng **318,9%** so với T1/2025



Hạnh nhân

Kim ngạch: **1,8** triệu USD
 Giảm **18,9%** so với T12/2025
 Tăng **20,6%** so với T1/2025



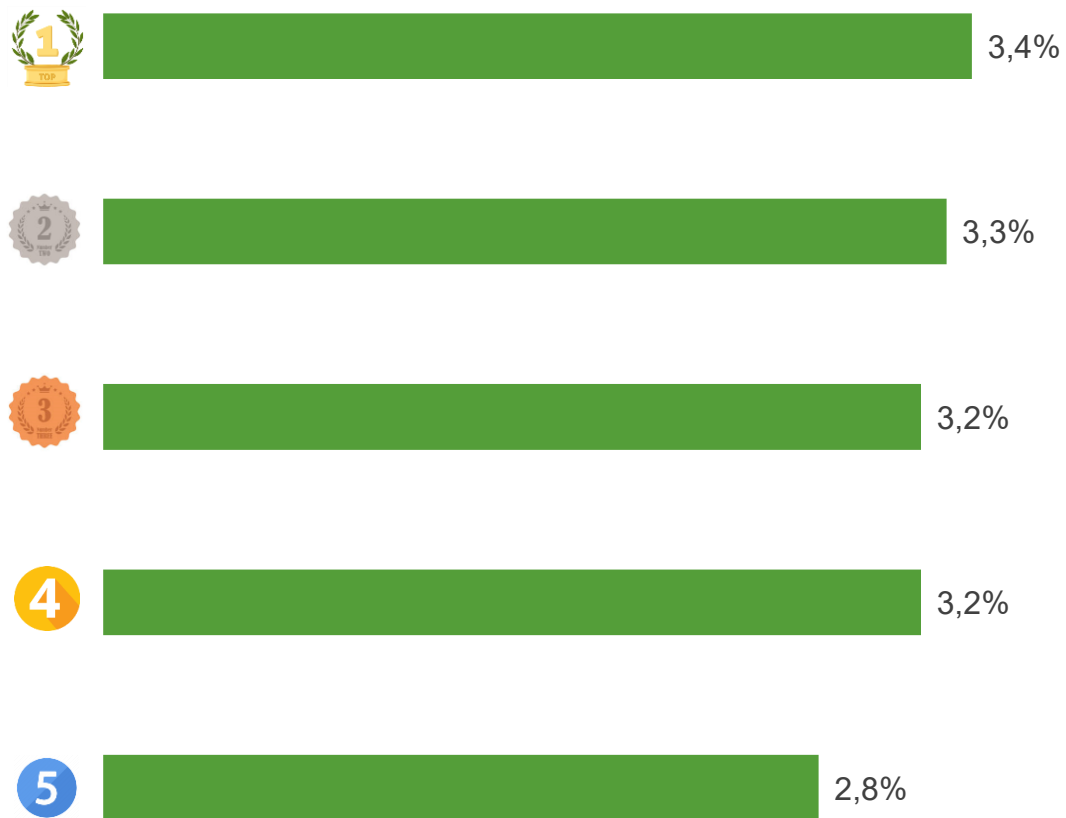
Khoai lang

Kim ngạch: **1,7** triệu USD
 Tăng **24,6%** so với T12/2025
 Tăng **73,9%** so với T1/2025

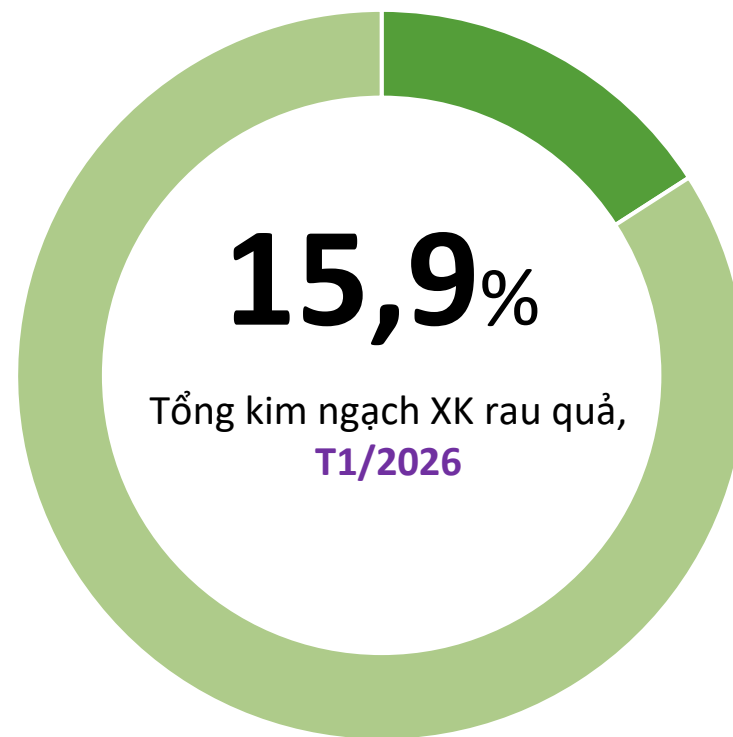


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



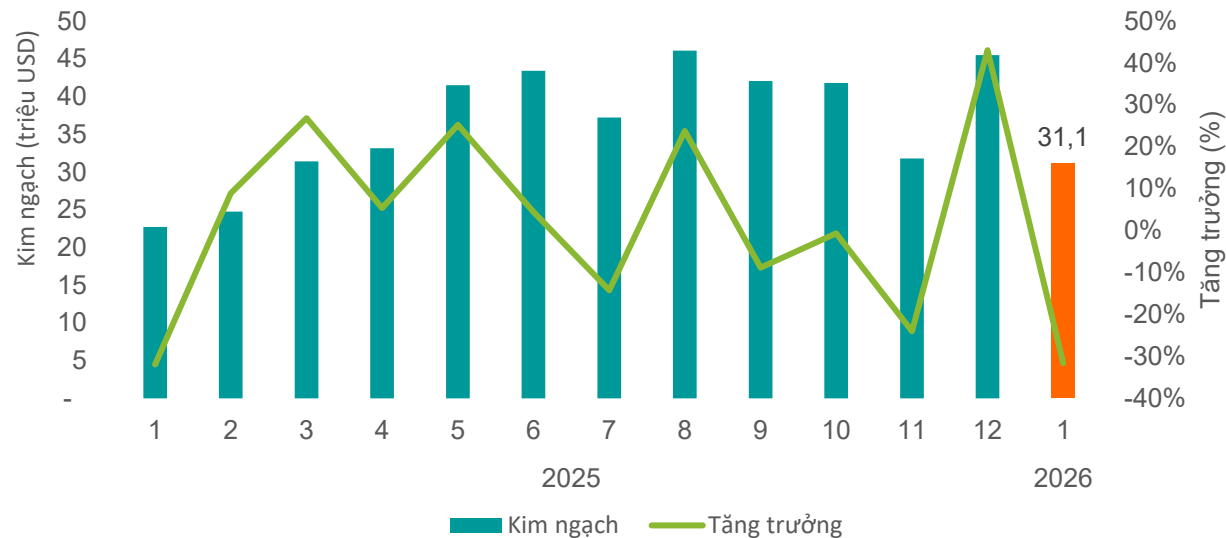
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường ASEAN, T1/2026

KIM NGẠCH



31,1

triệu USD

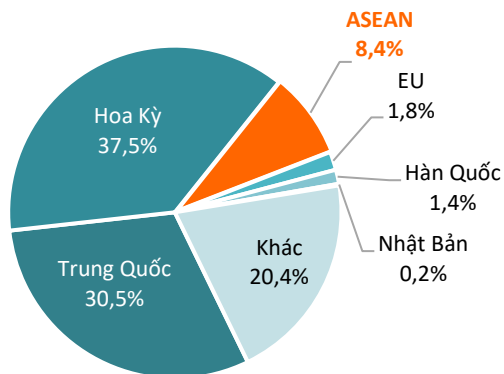
Giảm **31,6%** so với T12/2025

Tăng **36,9%** so với T1/2025

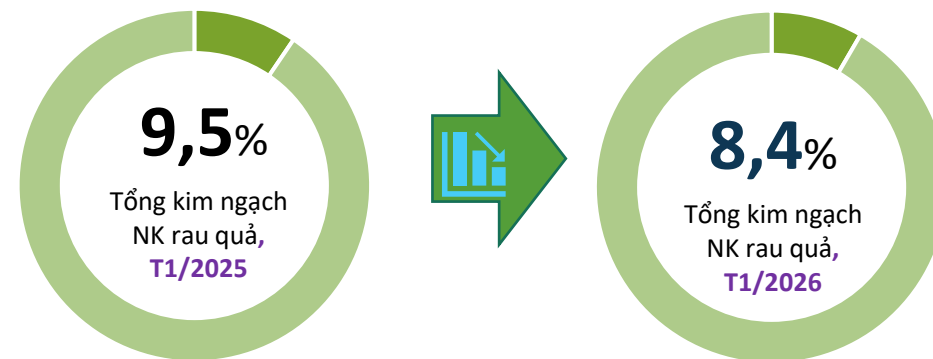
Thấp hơn **5,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Tháng 1/2026 đạt **31,1 triệu USD**, đạt **7,0%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường ASEAN, T1/2026



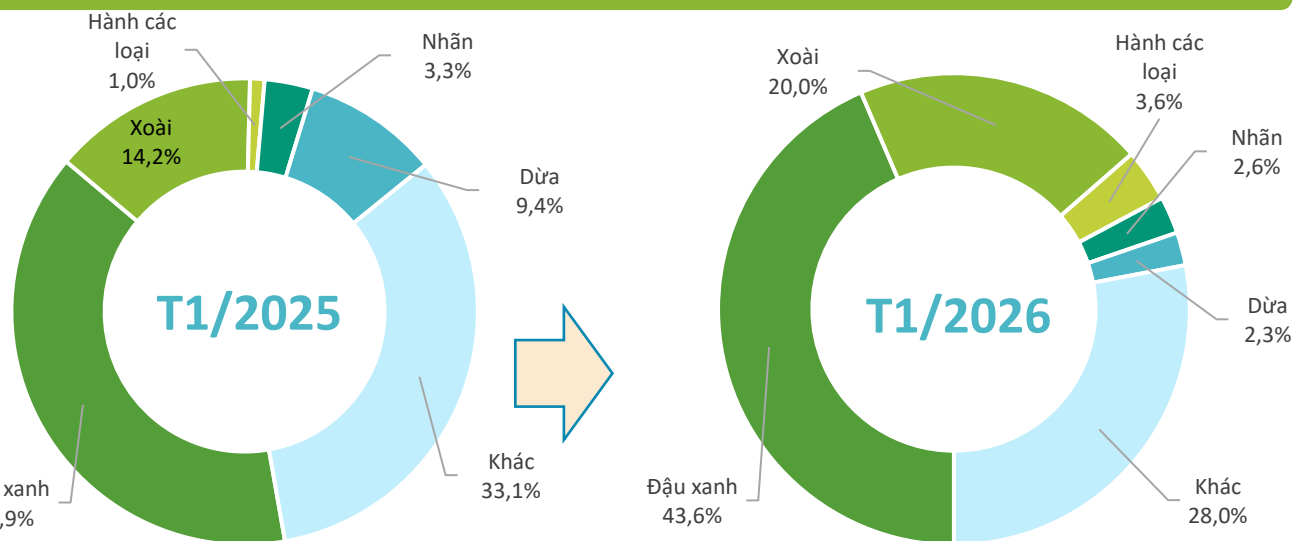
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường ASEAN, T1/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường ASEAN, T1/2026



Hành các loại

Kim ngạch: **1,1** triệu USD
 Tăng **22,4%** so với T12/2025
 Tăng **392,2%** so với T1/2025



Nhãn

Kim ngạch: **795,6** nghìn USD
 Giảm **74,2%** so với T12/2025
 Tăng **4,7%** so với T1/2025

Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường ASEAN, T1/2026



Đậu xanh

Kim ngạch: **13,6** triệu USD
 Tăng **56,5%** so với T12/2025
 Tăng **53,2%** so với T1/2025



Xoài

Kim ngạch: **6,2** triệu USD
 Tăng **31,0%** so với T12/2025
 Tăng **92,6%** so với T1/2025



Dừa

Kim ngạch: **706,1** nghìn USD
 Tăng **5,1%** so với T12/2025
 Giảm **67,1%** so với T1/2025

Philippines tiếp cận thị trường Nhật Bản cho chuối và trái cây nhiệt đới

Cuối tháng 1/2026, Bộ trưởng Nông nghiệp Philippines Francisco P. Tiu Laurel đã có chuyến thăm Nhật Bản nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường cho chuối cùng các loại trái cây nhiệt đới. Trong khuôn khổ chuyến công tác, Philippines đề xuất phía Nhật Bản xem xét giảm thuế đối với chuối tươi, mở cửa thị trường cho bưởi, đẩy nhanh quy trình đánh giá đối với nho, đồng thời cập nhật và đơn giản hóa thủ tục xuất khẩu xoài và đu đủ.

Hai bên thống nhất thúc đẩy mở rộng Bản ghi nhớ Hợp tác nông nghiệp, dự kiến ký kết trong năm 2026, đồng thời lên kế hoạch tổ chức cuộc họp Ủy ban Nông nghiệp song phương vào tháng 6 tới. Ngoài ra, chuyến thăm cũng bao gồm các cuộc làm việc với Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) nhằm tăng cường hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng, logistics và hệ thống chuỗi lạnh cho ngành rau quả, qua đó nâng cao năng lực xuất khẩu trái cây của Philippines vào thị trường Nhật Bản.



Tin liên quan

Dư cung sầu riêng, Thái Lan lên nhiều kịch bản ứng phó

Niên vụ 2026, sản lượng sầu riêng miền Đông Thái Lan dự kiến đạt hơn 1,06 triệu tấn, trong khi nhu cầu chỉ khoảng 871.000 tấn, dẫn tới dư thừa gần 190.000 tấn. Sản lượng bắt đầu ra thị trường từ tháng 4 và đạt đỉnh vào tháng 5–6. Tiếp nối là sầu riêng miền Nam vào vụ từ tháng 6. Do nguồn cung tăng cả ở Thái Lan và các nước lân cận như Việt Nam, giá sầu riêng được dự báo giảm, đầu vụ có thể không vượt 200 baht/kg (khoảng 170.000 VNĐ/kg).

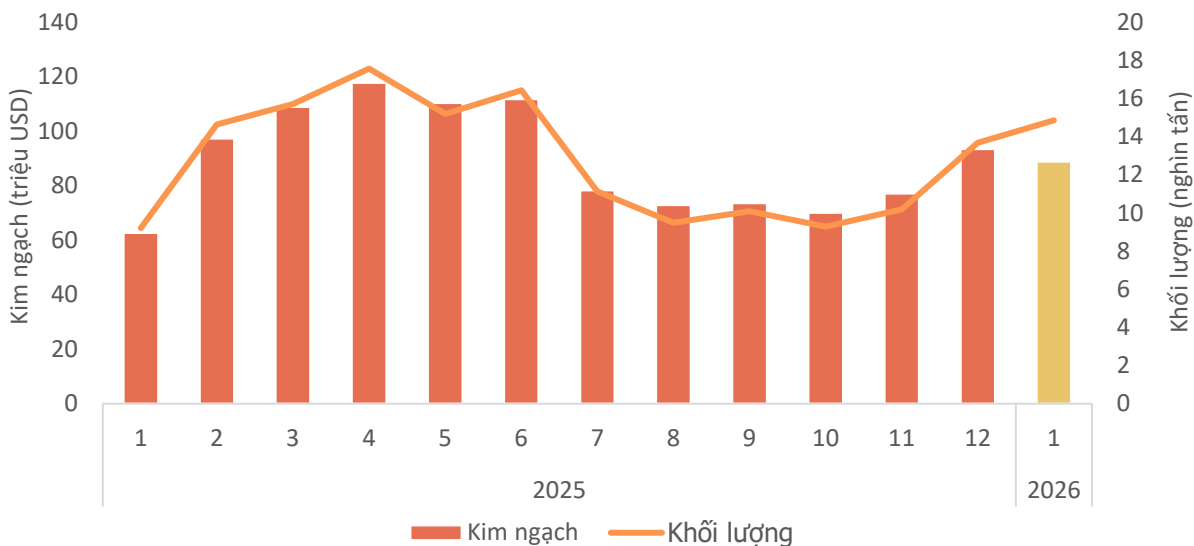
Ngoài ra, người trồng còn đối mặt với thiếu lao động thu hoạch, nguy cơ tắc nghẽn logistics và một số cơ sở thu mua đóng cửa do khó khăn tín dụng, chi phí vận chuyển cao. Trước tình hình này, Thái Lan đang triển khai biện pháp giảm ùn tắc vận chuyển, nâng cao chất lượng và chuẩn hóa quy trình kiểm tra xuất khẩu sang Trung Quốc, đồng thời cam kết nguyên tắc “4 không” (không non, không sâu bệnh, không hàng giả, không dư lượng) để đảm bảo uy tín sản phẩm.



Tin liên quan

CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường ASEAN, T1/2026

KIM NGẠCH

88,8 triệu USD

↘ Giảm **4,9%** so với T12/2025

↗ Tăng **41,7%** so với T1/2025

↘ Thấp hơn **0,7** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu T1/2026 đạt **88,8** triệu USD, đạt **8,3%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

14,8 nghìn tấn

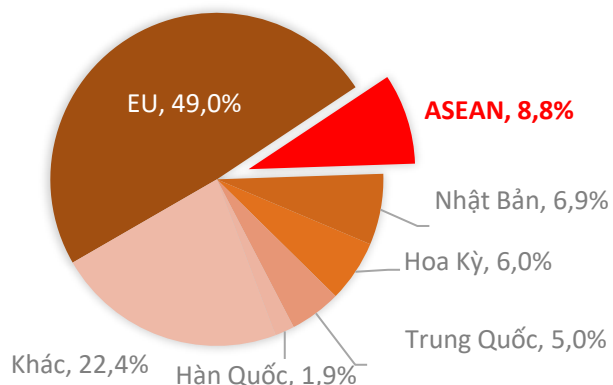
↗ Tăng **8,5%** so với T12/2025

↗ Tăng **61,3%** so với T1/2025

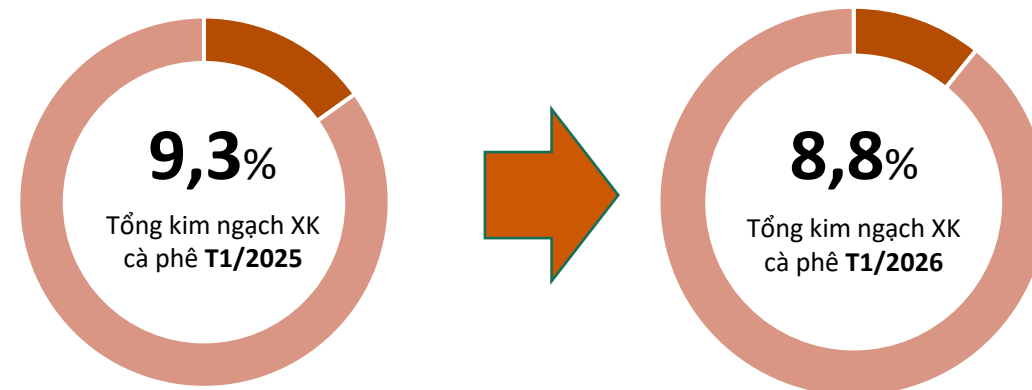
↗ Cao hơn **2,1** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu T1/2026 đạt **14,8** nghìn tấn, đạt **9,7%** lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường ASEAN, T1/2026



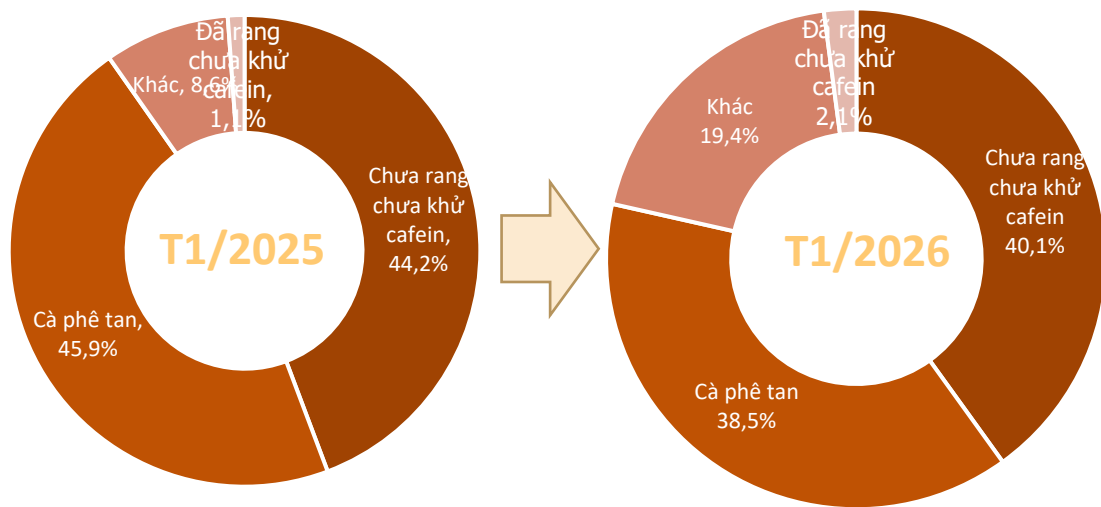
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường ASEAN, T1/2026





CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường ASEAN, T1/2026



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **32,2** Triệu USD
 Tăng **5,4%** so với T12/2025
 Tăng **16,3%** so với T1/2025



Cà phê tan

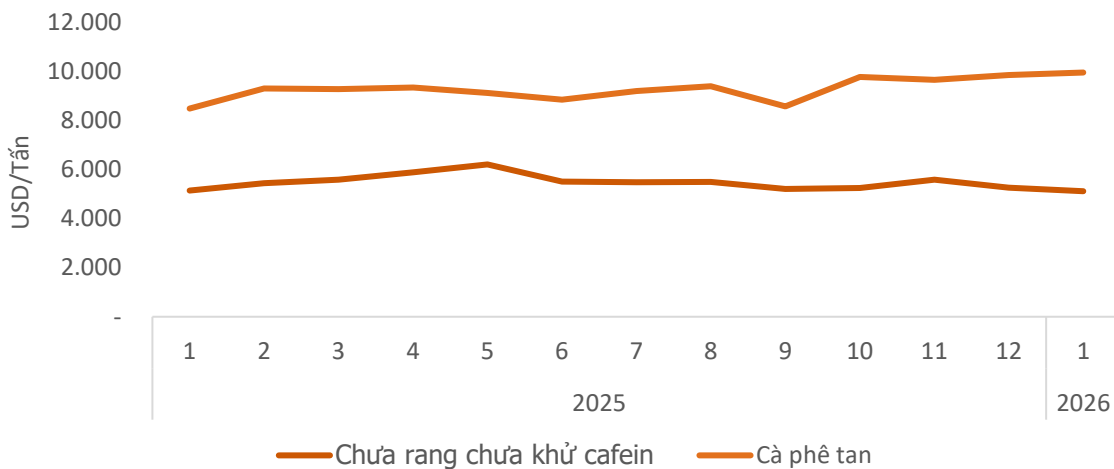
Kim ngạch: **30,9** Triệu USD
 Giảm **38,2%** so với T12/2025
 Tăng **7,4%** so với T1/2025



Cà phê khác

Kim ngạch: **15,6** Triệu USD
 Tăng **33,8%** so với T12/2025
 Tăng **189,9%** so với T1/2025

Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T1/2026



Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **9.947** USD/tấn, tăng **1,1%** so với tháng trước, và tăng **17,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

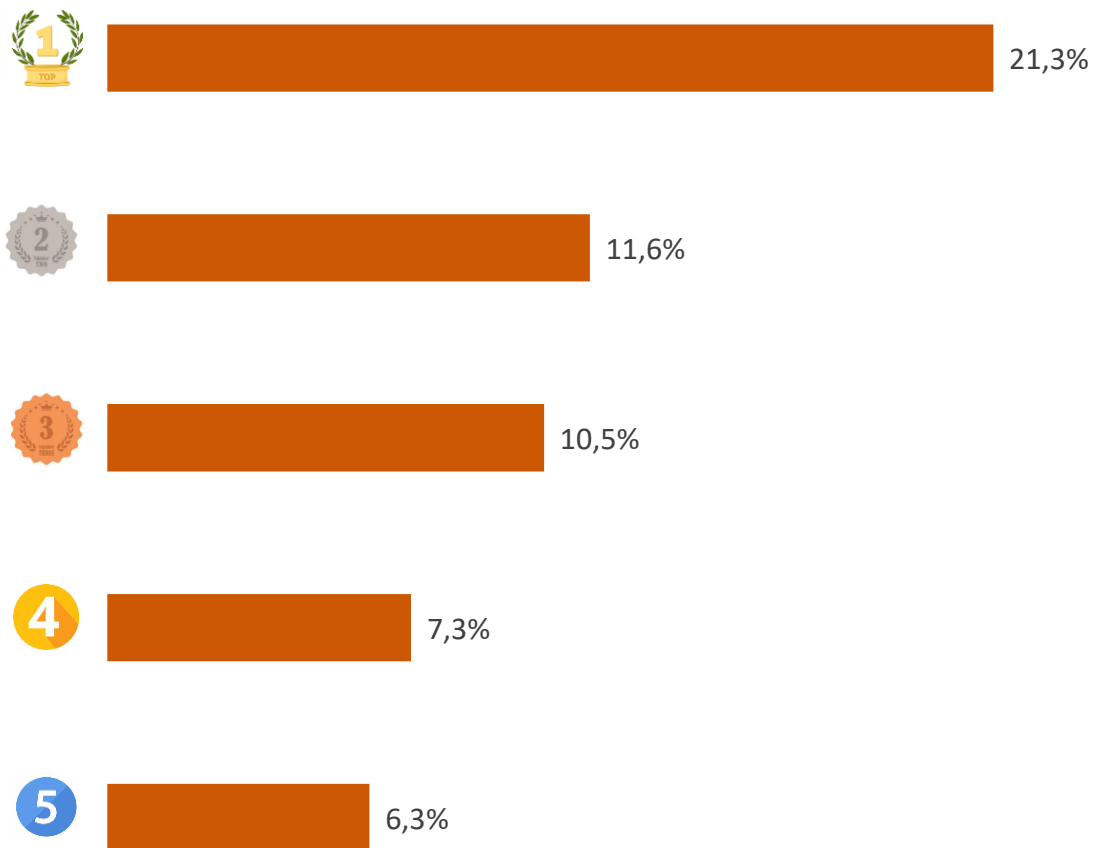
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **5.112** USD/tấn; giảm **2,8%** so với tháng trước, và giảm **0,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

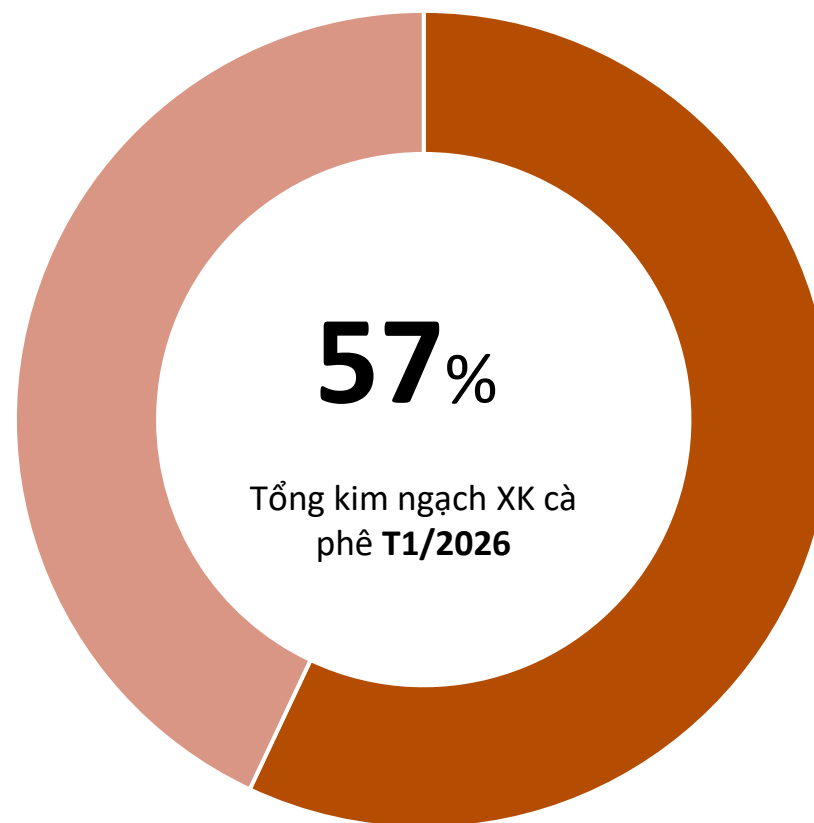


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường ASEAN, T1/2026





Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê của Indonesia trong niên vụ 2025–2026 sẽ tiếp tục tăng, trong đó robusta đạt khoảng 11 triệu bao, tăng 1,7 triệu bao nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và năng suất cải thiện, còn arabica đạt khoảng 1,5 triệu bao.

Diện tích trồng cà phê của Indonesia duy trì ổn định khoảng 1,2 triệu ha, tập trung chủ yếu tại đảo Sumatra và phần lớn do các hộ nông dân quy mô nhỏ canh tác.

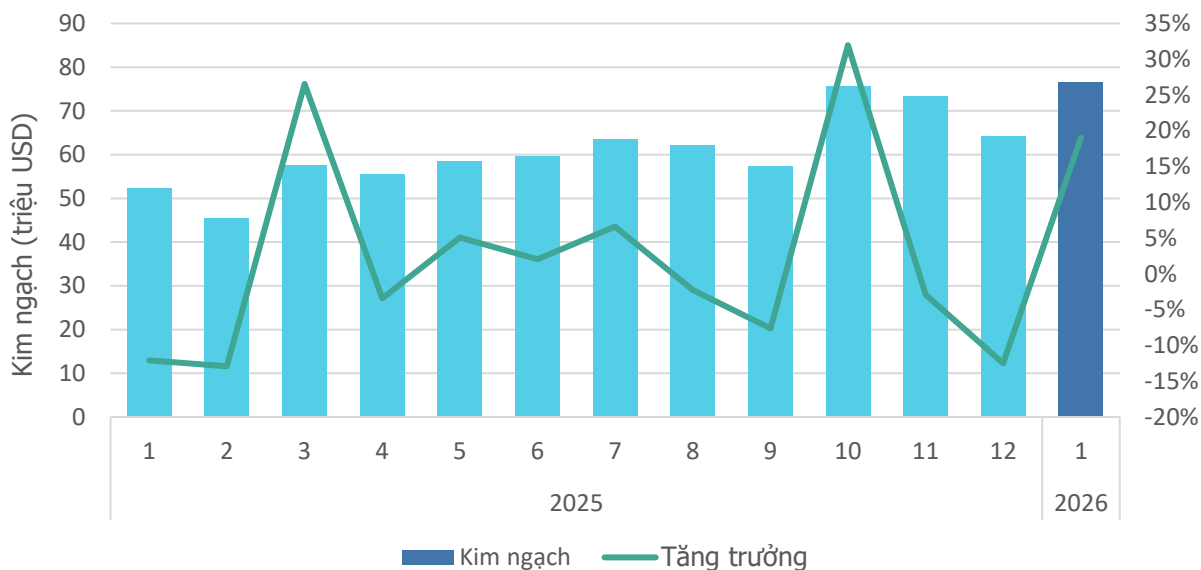
Cùng với nguồn cung gia tăng, xuất khẩu cà phê nhân của Indonesia dự báo tăng lên khoảng 7,8 triệu bao, với các thị trường chính gồm EU, Hoa Kỳ và Ai Cập, trong khi xuất khẩu cà phê hòa tan có xu hướng giảm nhẹ.





THỦY SẢN

Giá trị Thủy sản xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN, T1/2026

KIM NGẠCH



↗ Tăng **22,2%** so với T12/2025

↗ Tăng **46,6%** so với T1/2025

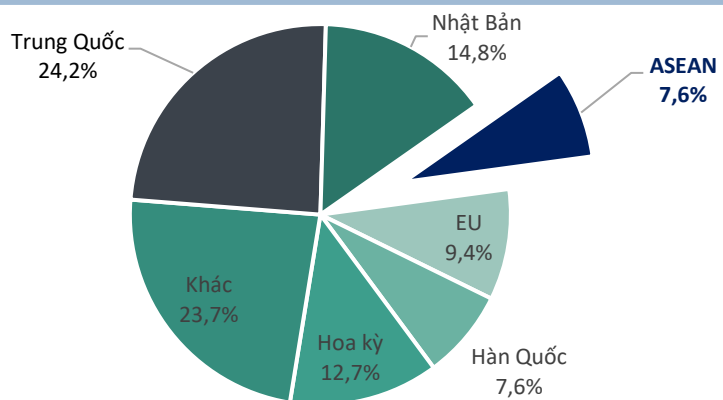
▲ Cao hơn **16,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Lũy kế 1 tháng 2026 đạt **76,5 triệu USD**, đạt **10,2%** kim ngạch 2025

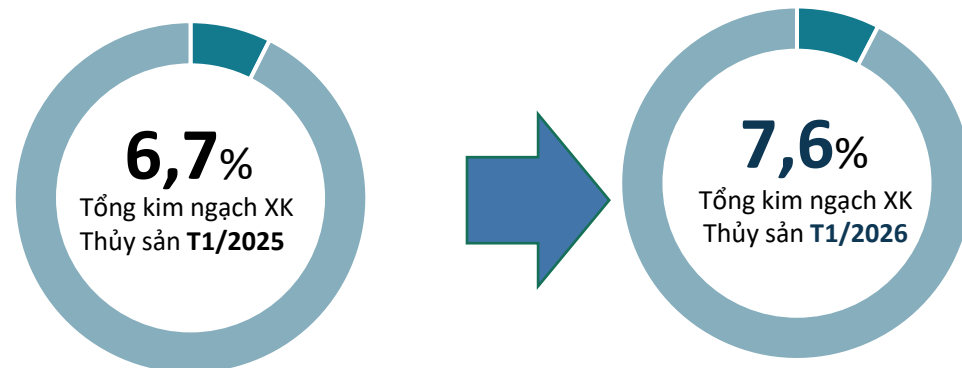
76,5

triệu USD

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường ASEAN, T1/2026



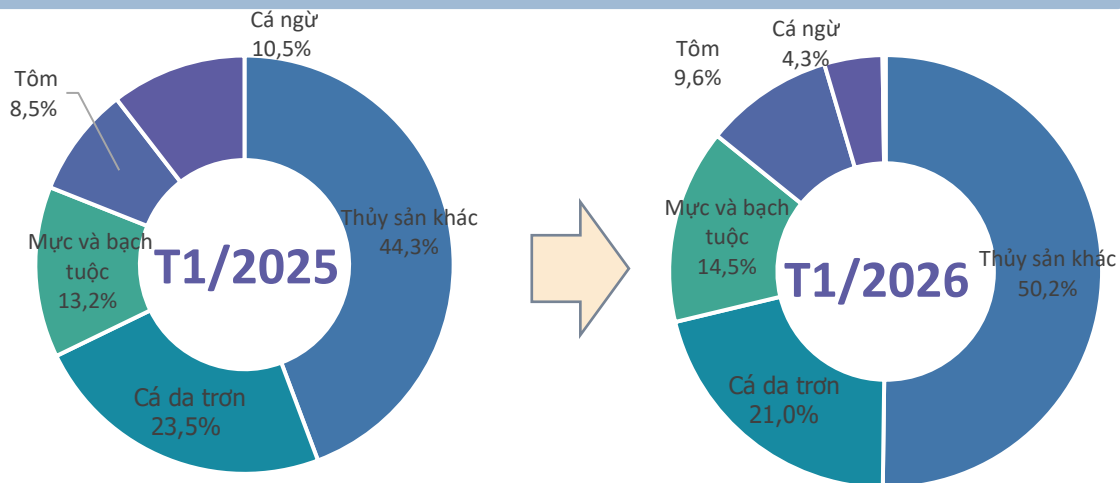
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường ASEAN, T1/2026



THỦY SẢN



Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN, T1/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **16,1** Triệu USD

Tăng **12,3%** so với T12/2025

Tăng **31,2%** so với T1/2025



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **11,1** Triệu USD

Tăng **1,3%** so với T12/2025

Tăng **61,3%** so với T1/2025



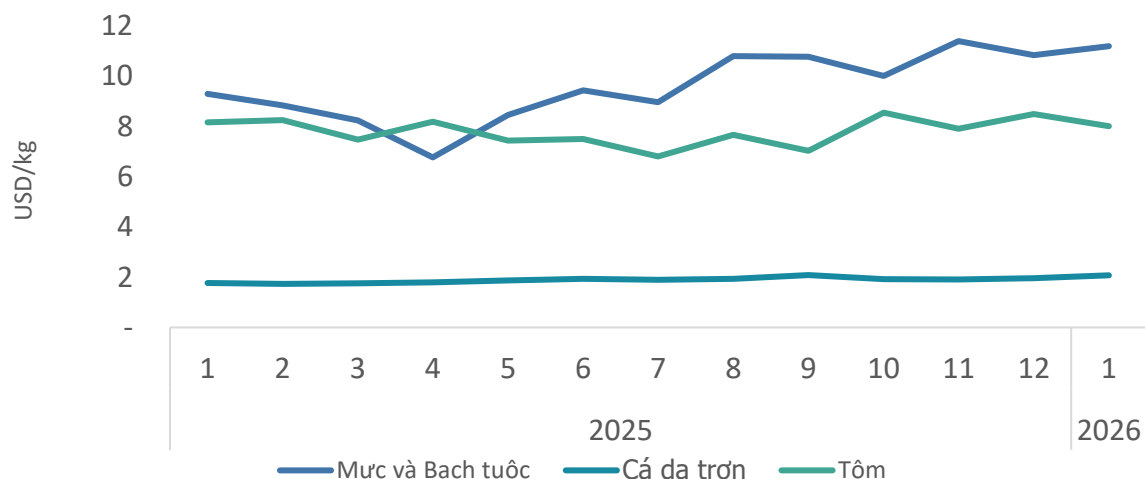
Tôm

Kim ngạch: **7,4** Triệu USD

Tăng **16,9%** so với T12/2025

Tăng **66,1%** so với T1/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T1/2026



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **11,2** USD/kg; tăng **3,3%** so với tháng trước; và tăng **20,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **2,1** USD/kg; tăng **5,5%** so với tháng trước; và tăng **17,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

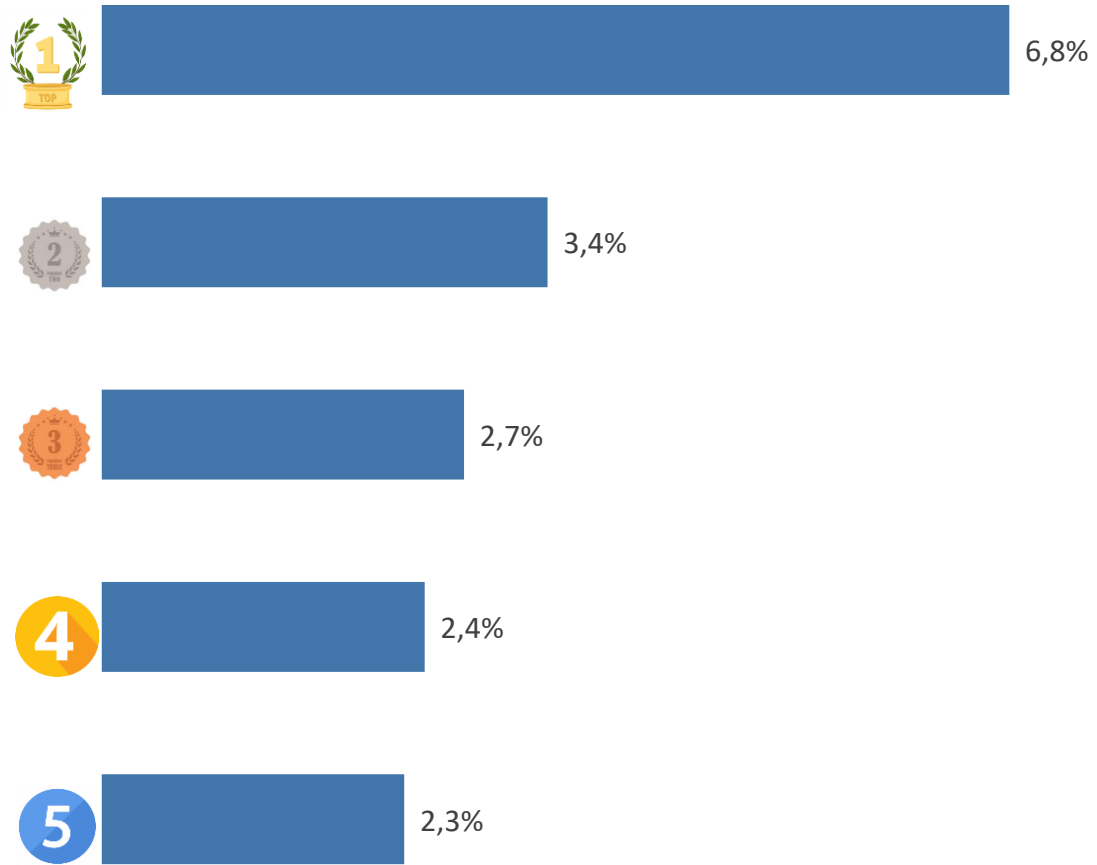
Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2026 ở mức **8,0** USD/kg; giảm **5,8%** so với tháng trước; và giảm **1,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

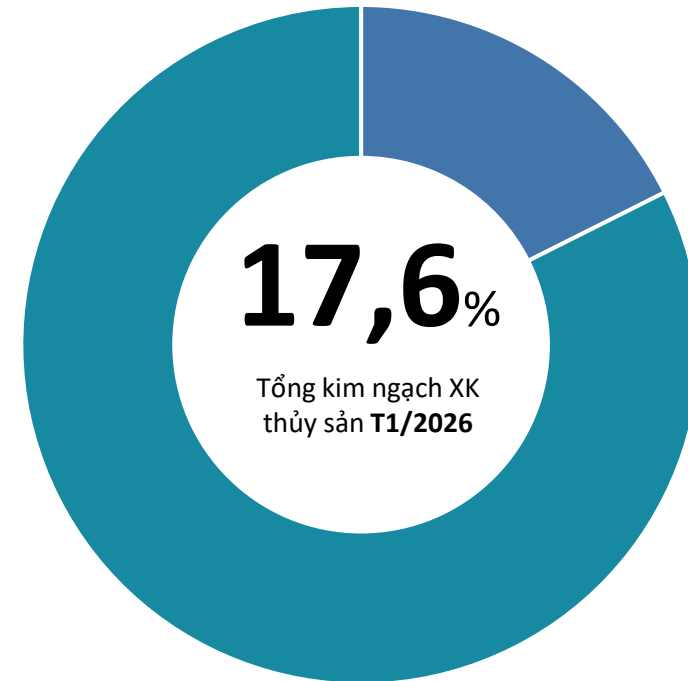


THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu, T1/2026



01

Xuất khẩu tôm của Indonesia tăng trưởng khá trong năm 2025

Ngành tôm Indonesia khép lại năm 2025 với tín hiệu phục hồi rõ nét vào tháng 12, sau giai đoạn biến động mạnh tại thị trường Hoa Kỳ trong quý IV. Cả năm, xuất khẩu tôm đạt 201.113 tấn, gần như tương đương năm 2024, nhưng kim ngạch tăng 11% lên khoảng 1,78 tỷ USD nhờ giá bán bình quân cải thiện và tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng tăng lên. Riêng tháng 12, xuất khẩu đạt 23.701 tấn, tăng 31% so với cùng kỳ, với giá trị 228 triệu USD, tăng 51%, qua đó góp phần bù đắp phần nào đà sụt giảm mạnh trong các tháng 10–11.

Diễn biến xuất khẩu trong năm cho thấy sự phân hóa khá rõ giữa các thị trường và nhóm sản phẩm. Hoa Kỳ vẫn là thị trường lớn nhất, chiếm 62% tổng khối lượng xuất khẩu tôm của Indonesia, dù cả năm giảm 8% xuống còn 125.588 tấn do ảnh hưởng từ sự cố “tôm nhiễm phóng xạ” khiến thương mại tạm thời đình trệ trong quý IV. Ở chiều tích cực, xuất khẩu sang EU tăng 41%, Trung Quốc tăng 27%, Nhật Bản tăng 6% và Canada tăng 34%. Về cơ cấu mặt hàng, tôm chân trắng tiếp tục giữ vai trò chủ lực với 97.192 tấn, tăng nhẹ 2%, trong khi nhóm hàng chế biến như tôm nấu chín và tẩm ướp tăng 9%, trở thành động lực nổi bật cho tăng trưởng giá trị xuất khẩu của Indonesia trong năm qua.



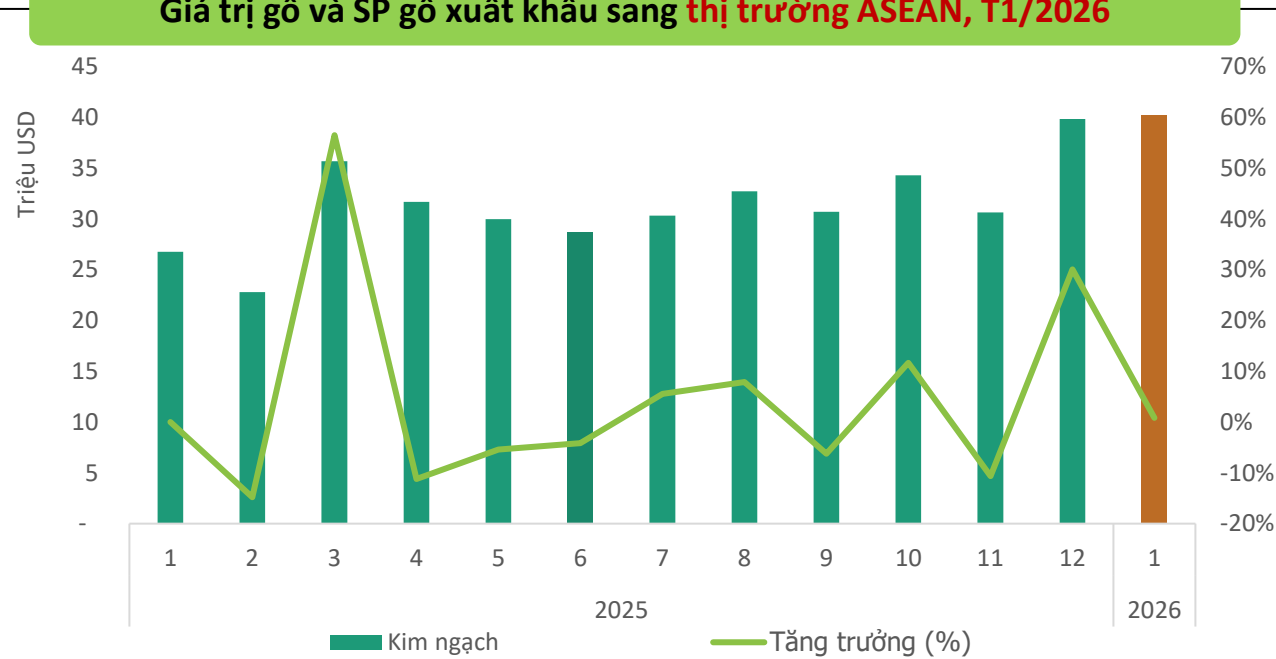
Tin liên quan

Nguồn: Vasep



GỠ VÀ SP GỠ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường ASEAN, T1/2026

KIM NGẠCH

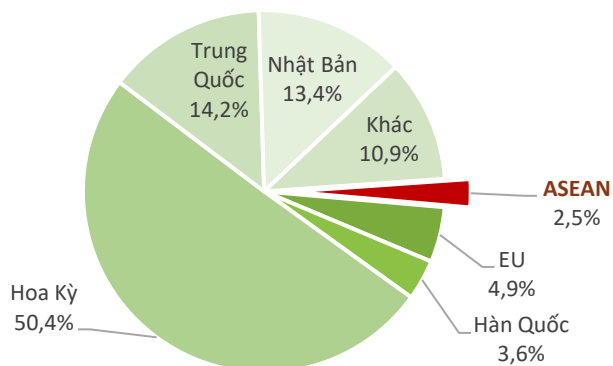


40

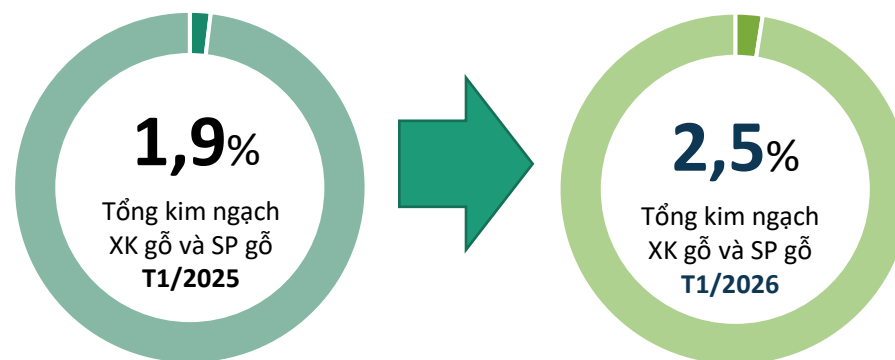
triệu USD

- ➔ Tăng **0,9%** so với T12/2025
- ➔ Tăng **50,2%** so với T1/2025
- ➔ Cao hơn **9,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Giá trị xuất khẩu tháng 1/2026 đạt **10,7%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường ASEAN, T1/2026



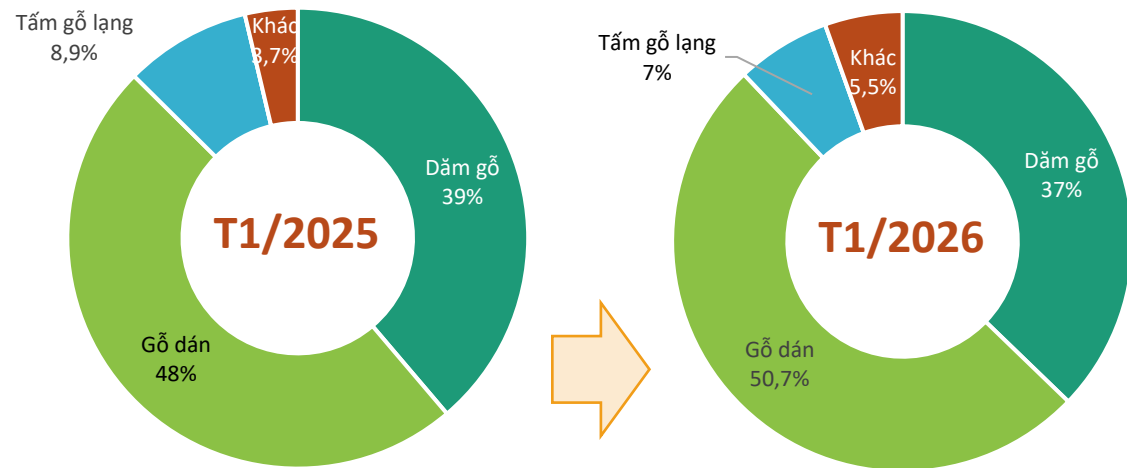
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường ASEAN, T1/2026





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường ASEAN, T1/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường ASEAN, T1/2026



Gỗ dán

Kim ngạch: **29,5** triệu USD
 Tăng **1%** so với T12/2025
 Tăng **56%** so với T1/2025



Dăm gỗ

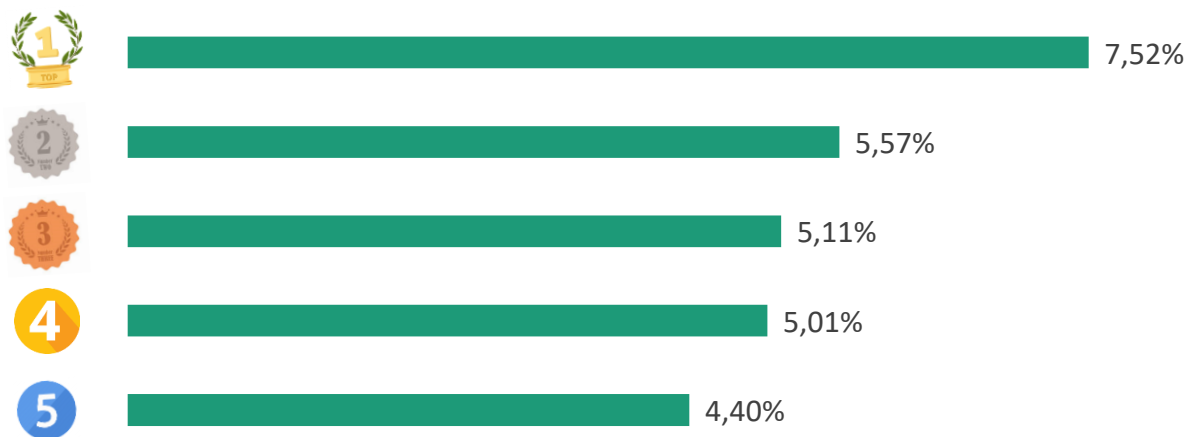
Kim ngạch: **21,7** triệu USD
 Tăng **23%** so với T12/2025
 Tăng **44%** so với T1/2025



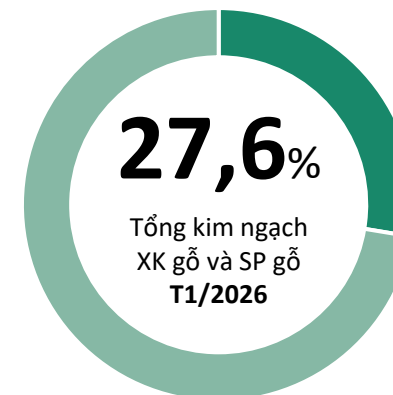
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **3,9** triệu USD
 Giảm **30%** so với T12/2025
 Tăng **12%** so với T1/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường ASEAN, T1/2026





GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ ASEAN



Malaysia đã chính thức triển khai hệ thống cấp phép điện tử MyCITES cho các sản phẩm gỗ. Đây được xem là một thay đổi quan trọng đối với ngành gỗ của quốc gia này.

Từ ngày 1/1/2026, tất cả các giấy phép liên quan đến các loài thuộc danh mục CITES sẽ được cấp hoàn toàn qua hệ thống My CITES. Tuy nhiên, Hiệp hội Công nghiệp Gỗ Sabah (STIA) cũng đang bày tỏ quan ngại về các đề xuất đưa các loài gỗ thương mại quan trọng vào danh mục của CITES.



TIN LIÊN QUAN



GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ ASEAN



Một trong những diễn biến quan trọng nhất đối với ngành gỗ Indonesia là việc ký kết 11 thỏa thuận hợp tác trị giá 38,4 tỷ USD với các công ty Hoa Kỳ, bao gồm một biên bản ghi nhớ giữa Hiệp hội Đồ nội thất và Thủ công mỹ nghệ Indonesia (HIMKI) và Hội đồng Xuất khẩu Gỗ cứng Hoa Kỳ.

Thỏa thuận này được kỳ vọng sẽ tạo ra một khuôn khổ cho hợp tác công nghiệp, bao gồm việc trao đổi công nghệ và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. Các doanh nghiệp trong nước cũng hoan nghênh mức thuế 19% của Hoa Kỳ, coi đây là một mức thuế cạnh tranh.

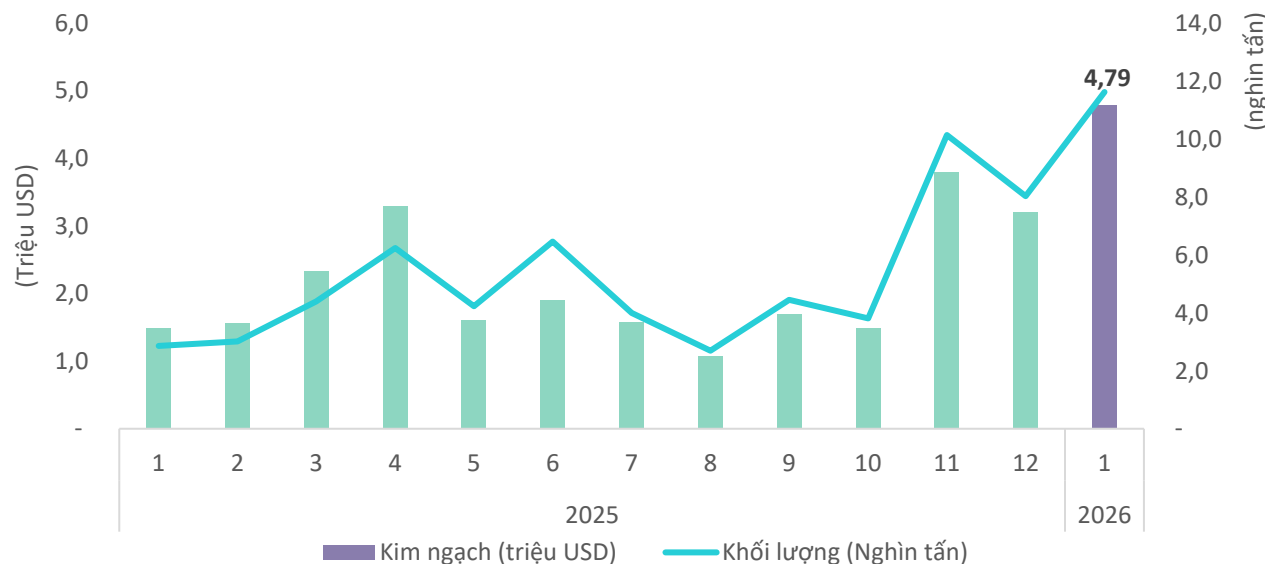


TIN LIÊN QUAN



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường ASEAN, T01/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T01/2026

KIM NGẠCH

4,79 triệu USD

↗ Tăng **49,9%** so với T12/2025

↗ Tăng **144%** so với T01/2025

↑ Cao hơn **2,5 triệu USD** so với bình quân năm 2025

❖ Tháng 01/2026 đạt **4,79 tr.USD**, đạt **17%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

11,6 nghìn tấn

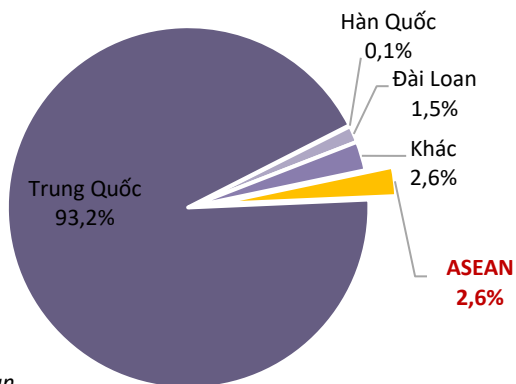
↗ Tăng **44,8%** so với T12/2025

↗ Tăng **143%** so với T01/2025

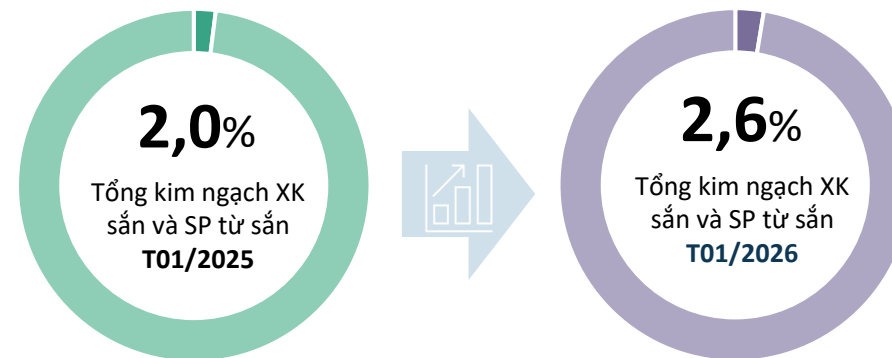
↑ Cao hơn **5,5 nghìn tấn** so với bình quân năm 2025

❖ Tháng 01/2026 đạt **11,6 nghìn tấn**, đạt **21%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T01/2026



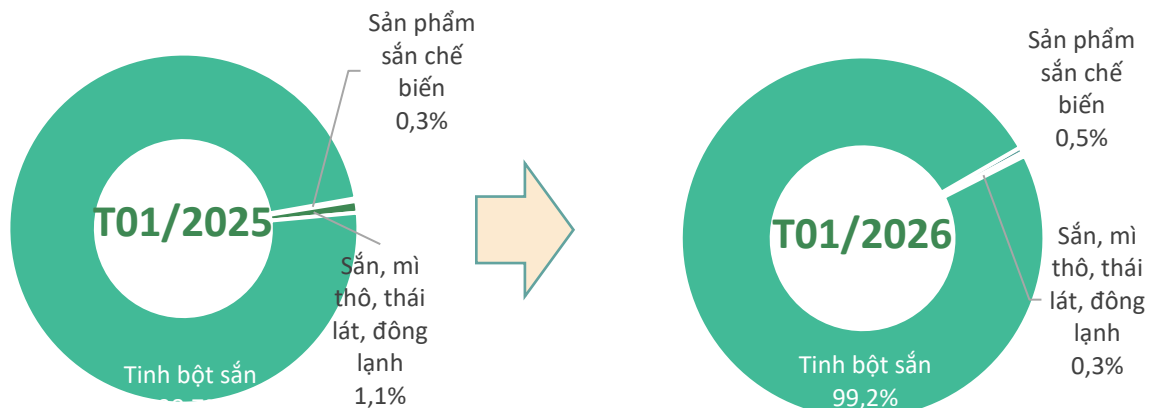
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T01/2026





SẺN VÀ SP TỪ SẺN

Cơ cấu chủng loại sẻn và SP từ sẻn XK sang thị trường ASEAN, T01/2026



Kết quả XK sẻn và SP từ sẻn sang thị trường ASEAN, T01/2026



Sẻn phẩm sẻn chế biến

Kim ngạch: **22,4** nghìn USD

Giảm **8,5%** so với T12/2025

Giảm **90%** so với T01/2025



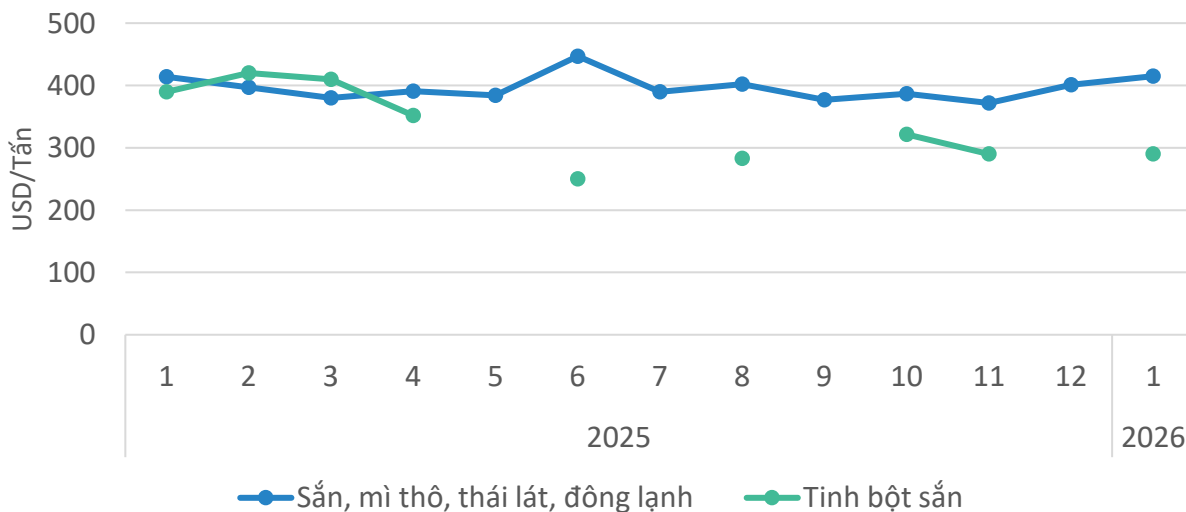
Tinh bột sẻn

Kim ngạch: **4,45** triệu USD

Giảm **96%** so với T12/2025

Tăng **385%** so với T01/2025

Giá sẻn và SP từ sẻn XK bình quân sang thị trường ASEAN, T01/2026



Tinh bột sẻn

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2026 ở mức **415 USD/tấn**; giảm **25,6%** so với tháng trước; và tăng **0,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

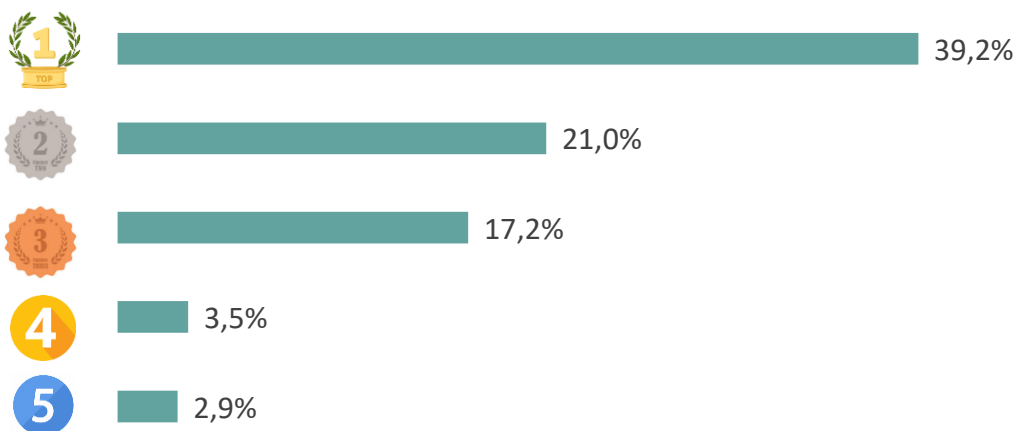
Sẻn thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2026 ở mức **290 USD/tấn**; tăng **3,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

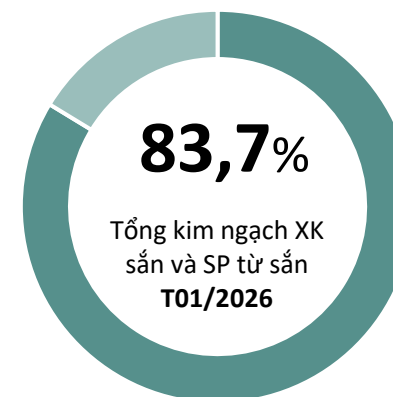


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

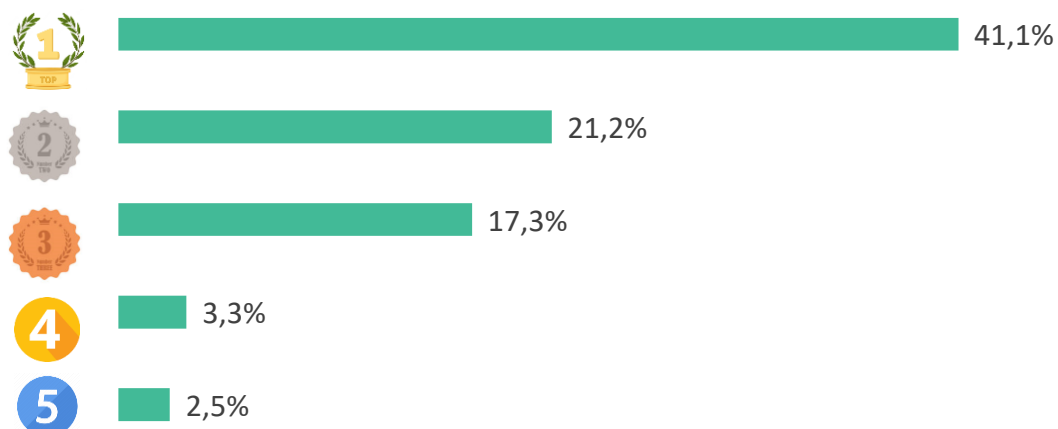
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T01/2026



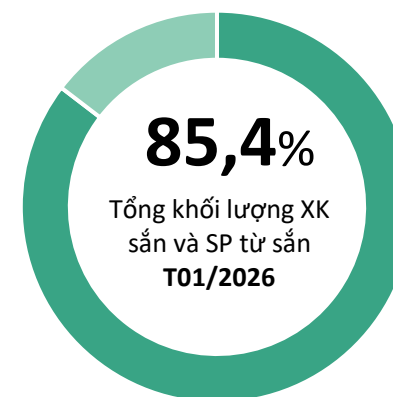
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T01/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T01/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T01/2026



SẴN VÀ SP TỪ SẴN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SP TỪ SẴN ASEAN



Tháng 01/2026, Việt Nam xuất khẩu sang thị trường ASEAN khoảng 11,6 nghìn tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, đạt kim ngạch 4,79 triệu USD. So với tháng 12/2025, giá trị xuất khẩu tăng 49,9%, trong khi khối lượng tăng 44,8%. So với cùng kỳ tháng 01/2025, kim ngạch tăng 144% và sản lượng tăng 143%, phản ánh xu hướng phục hồi và mở rộng nhu cầu nhập khẩu sắn tại khu vực ASEAN trong giai đoạn đầu năm 2026.

Malaysia và Philippines tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ sắn và sản phẩm từ sắn lớn nhất của Việt Nam. Nhu cầu nhập khẩu tại các quốc gia này chủ yếu phục vụ cho các ngành chế biến tinh bột, sản xuất thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

Quy mô thị trường ASEAN vẫn còn tương đối khiêm tốn, nhưng tiềm năng mở rộng thị trường ASEAN rất khả quan, đặc biệt là Malaysia và Philippines.



TIN LIÊN QUAN



Thái Lan đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu sản sang Nhật Bản

Từ ngày 25-26/02/2026, Cục Ngoại thương Thái Lan đã tổ chức đoàn xúc tiến thương mại tại Tokyo (Nhật Bản) nhằm thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm sản. Hoạt động xúc tiến tập trung quảng bá các sản phẩm sản có giá trị gia tăng như sản viên nén, tinh bột sản biến tính và tinh bột sản cao cấp, hướng tới nhu cầu của các ngành công nghiệp tiềm năng tại Nhật Bản, đặc biệt là ngành thức ăn chăn nuôi và sản xuất hàng tiêu dùng.

Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp Nhật Bản cũng bày tỏ sự quan tâm đến việc nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ tinh bột sản của Thái Lan, trong đó có trân châu (tapioca pearl) và tinh bột nhiệt dẻo (thermoplastic starch).

Nhật Bản hiện là thị trường xuất khẩu sản lớn thứ hai của Thái Lan. Năm 2025, nước này xuất khẩu sang Nhật Bản 394.742 tấn sản và các sản phẩm từ sản, đạt kim ngạch 261,64 triệu USD; trong đó tinh bột sản chế biến chiếm tỷ trọng lớn nhất với 84,4%.





Campuchia ban hành hướng dẫn chuẩn hóa giao dịch và phân loại chất lượng sản

Bộ Thương mại Campuchia vừa ban hành hướng dẫn mới về quy trình giao dịch sản tươi và sản khô, nhằm chuẩn hóa hoạt động mua bán, kiểm soát chất lượng sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành sản. Theo quy định, sản phải được phân loại theo tiêu chuẩn chất lượng trong quá trình giao dịch, đồng thời thiết lập bộ quy tắc ứng xử giữa nông dân và doanh nghiệp thu mua nhằm hạn chế tình trạng thao túng giá và bảo đảm các giao dịch minh bạch, công bằng.

Bộ trưởng Thương mại Cham Nimul cho biết mục tiêu dài hạn của chính sách là xây dựng Campuchia trở thành nguồn cung sản đáng tin cậy trên thị trường toàn cầu. Sản hiện là cây trồng lớn thứ hai của Campuchia sau lúa gạo và được xem là một trong những cây trồng chiến lược.

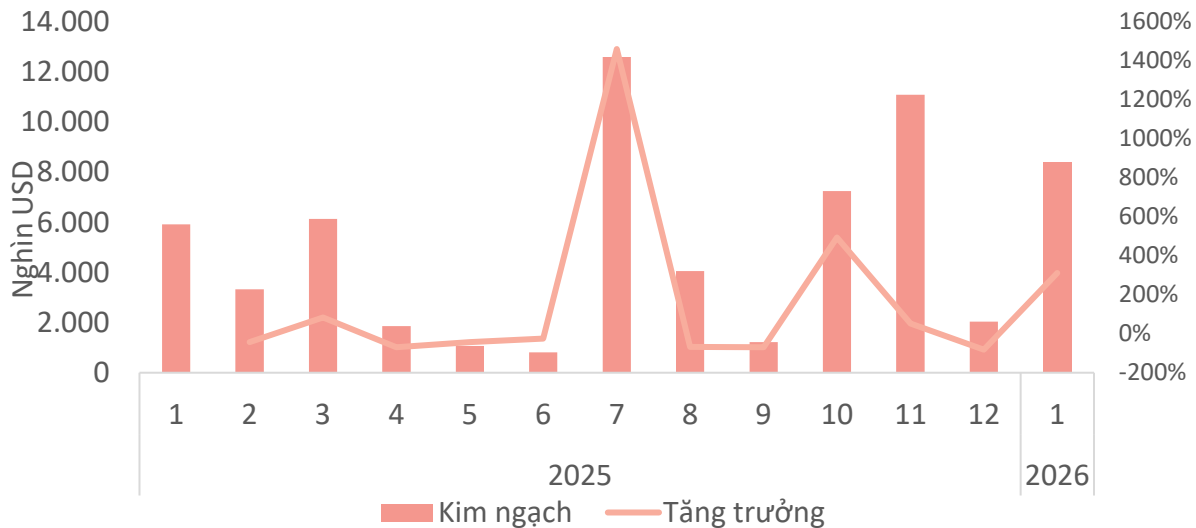
Campuchia đã ký biên bản ghi nhớ với Tập đoàn COFCO (Trung Quốc) về kế hoạch xuất khẩu 700.000 tấn sản khô sang Trung Quốc trong giai đoạn 2025-2026. Tuy nhiên, ngành sản Campuchia vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức như biến động giá mạnh, hạn chế về tiêu chuẩn chất lượng và gián đoạn thương mại với Thái Lan do căng thẳng biên giới gần đây.





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Asean T1/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T1/2026

KIM NGẠCH



8,39

Triệu USD

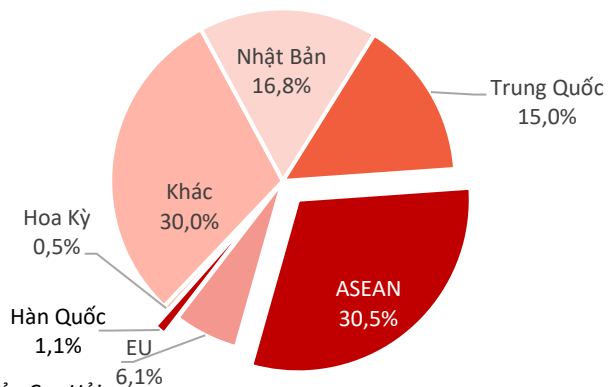
Tăng **312%** so với T12/2025

Tăng **42%** so với T1/2025

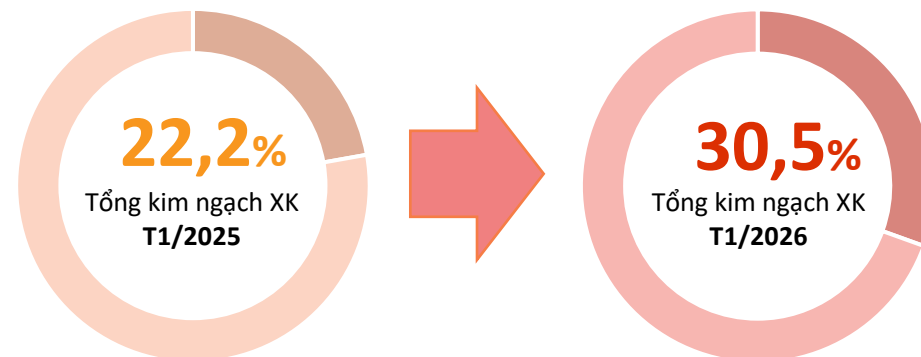
Cao hơn **3,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ Tháng 1 năm 2026 đạt **14,6%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T1/2026



Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T1/2026

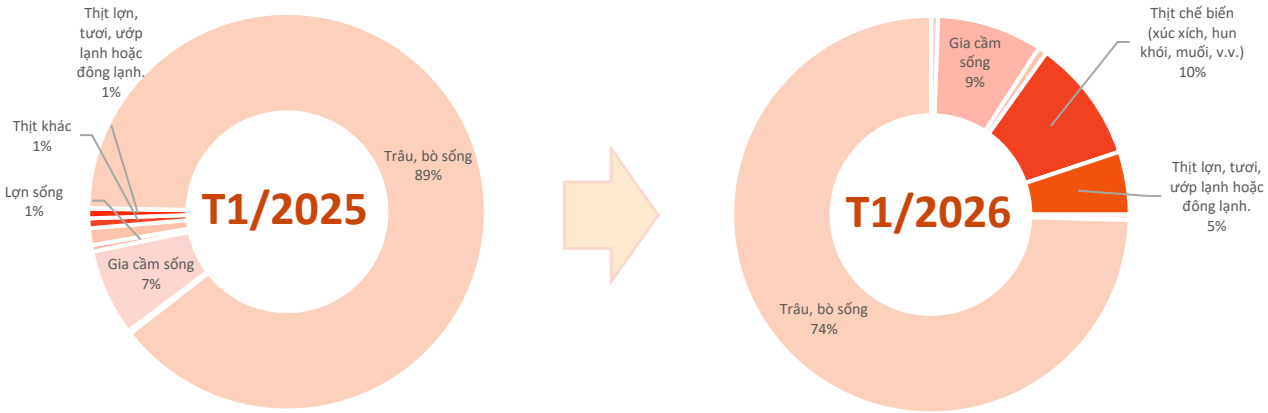


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Asean T1/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Asean T1/2026



Trâu bò sống

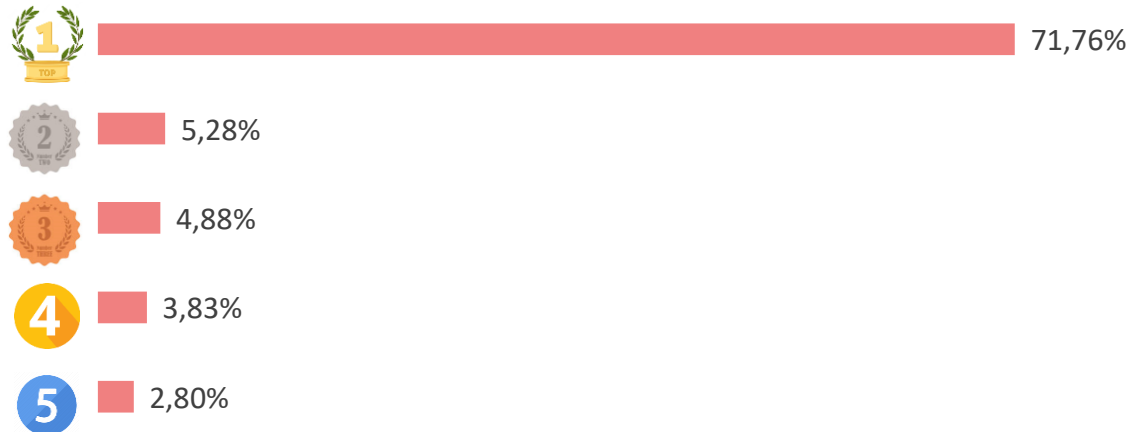
Kim ngạch: **6,3** triệu USD
Tăng **18,5%** so với T1/2025



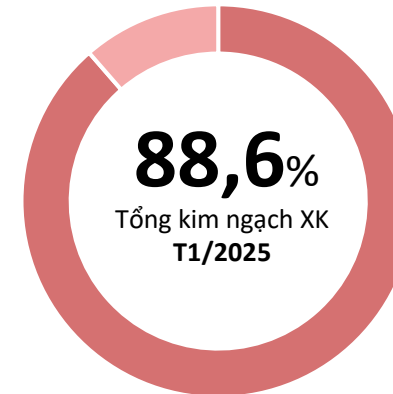
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **839** nghìn USD
Tăng **72%** so với T12/2025
Tăng **10,3 lần** so với T1/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Asean T1/2026



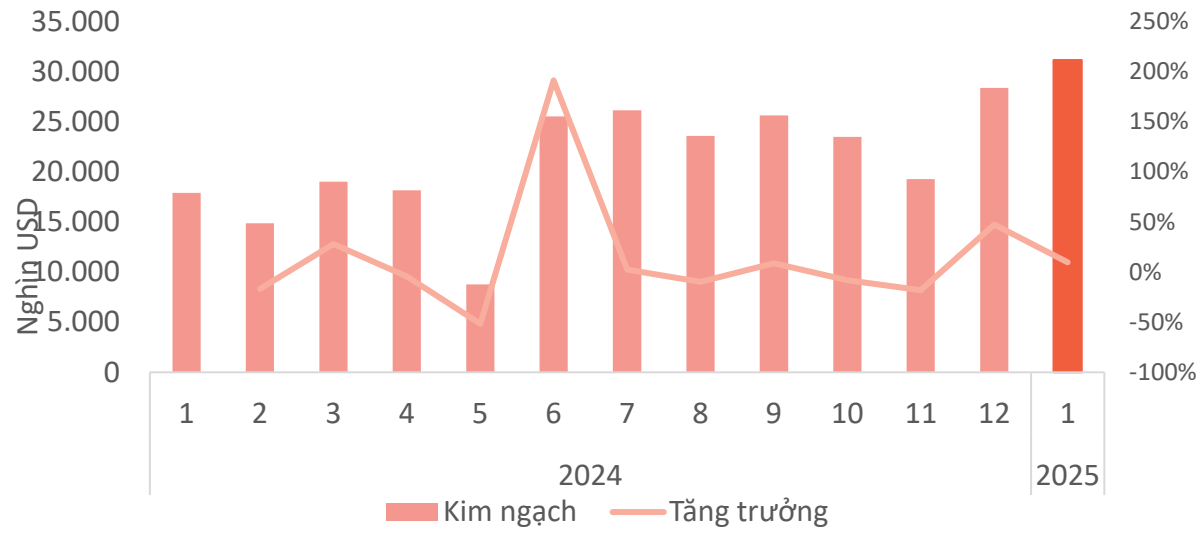
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Asean T1/2026





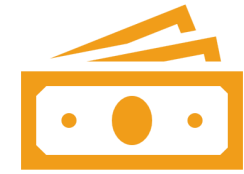
THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T1/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T1/2026

KIM NGẠCH



31,1

Triệu USD

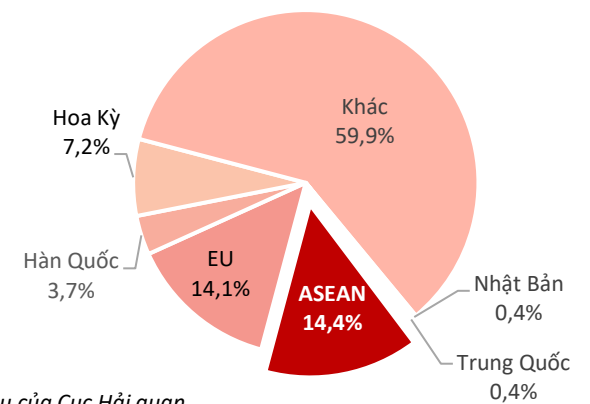
Tăng **9,8%** so với T12/2025

Tăng **73,9%** so với T1/2025

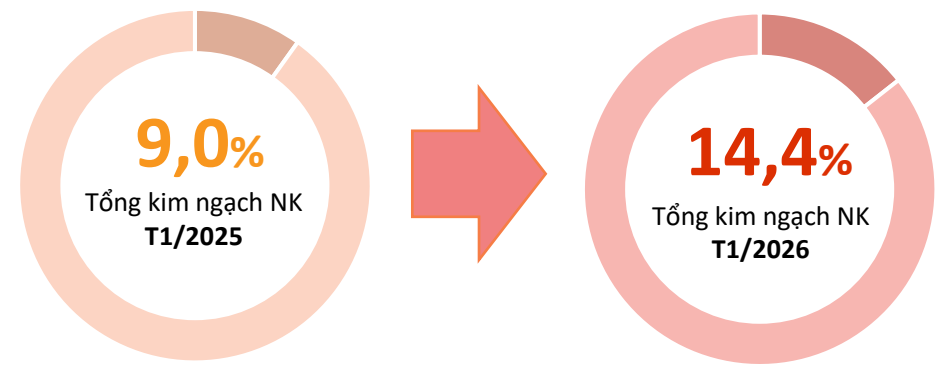
Cao hơn **10,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ Tháng 1 năm 2026 đạt **12,4%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T1/2026



Biến động tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam thị trường Asean T1/2026

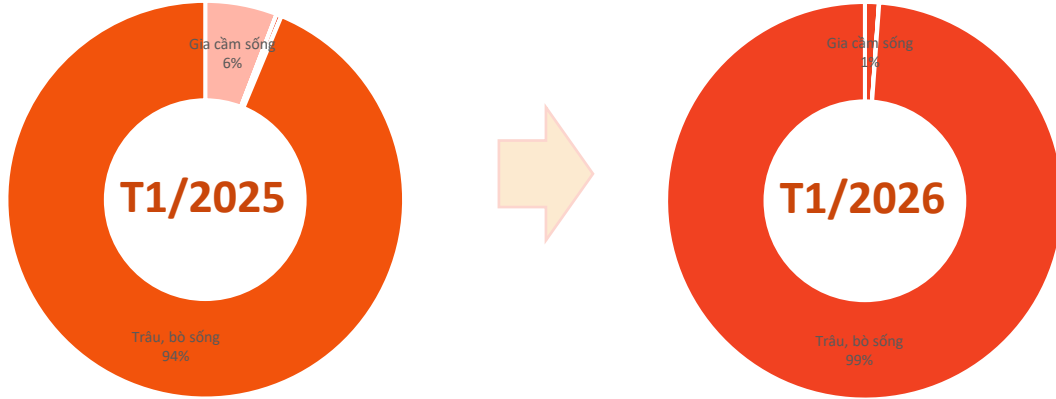


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt nhập khẩu từ thị trường Asean T1/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T1/2026



Trâu bò sống

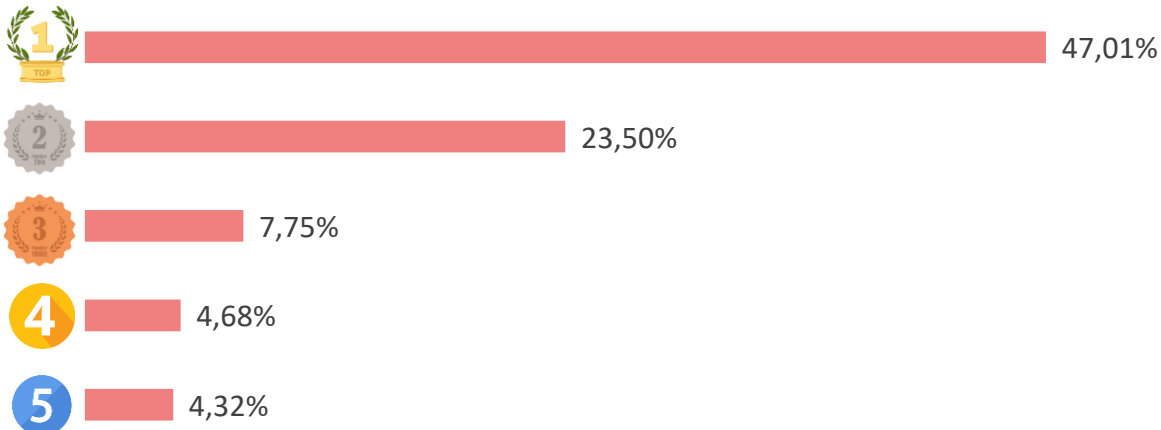
Kim ngạch: **30,8** triệu USD
 Tăng **15,8%** so với T12/2025
 Tăng **82,7%** so với T1/2025



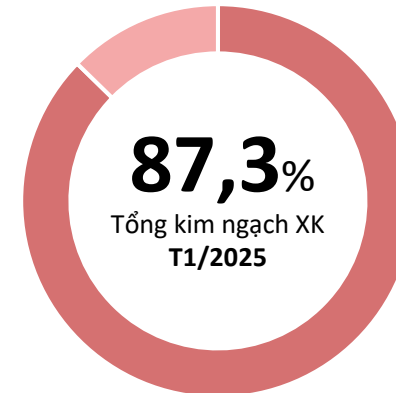
Gia cầm sống

Kim ngạch: **349,9** nghìn USD
 Giảm **78,9%** so với T12/2025
 Giảm **63,4%** so với T1/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất từ thị trường Asean T1/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Asean T1/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT ASEAN



Sản lượng lợn của Thái Lan năm 2025 ước đạt 23,584 triệu con, tăng 0,54% so với năm 2024 nhờ ngành chăn nuôi phục hồi sau dịch tả lợn châu Phi (ASF) và việc tăng cường các biện pháp an toàn sinh học, giúp cải thiện hiệu quả sinh sản và nguồn cung lợn thịt. Năm 2026, sản lượng dự báo tăng nhẹ lên 23,642 triệu con.

Tiêu thụ thịt lợn năm 2025 đạt khoảng 1,736 triệu tấn, gần như ổn định so với năm trước và chủ yếu phục vụ thị trường nội địa. Nhu cầu tiêu dùng trong năm 2026 được dự báo duy trì ổn định, với kỳ vọng tăng nhẹ nhờ các chính sách hỗ trợ kinh tế và các chương trình thúc đẩy tiêu dùng trong nước.

Nguồn: Bộ Công thương



Tin liên quan



THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT ASEAN



Năm 2025, xuất khẩu thịt lợn ướp lạnh và đông lạnh của Thái Lan ước đạt 2.400 tấn, trị giá 275 triệu Baht (khoảng 7,7 triệu USD), giảm về lượng nhưng tăng về giá trị so với năm 2024. Các thị trường chính gồm Hồng Kông, Myanmar và Lào. Xuất khẩu sản phẩm thịt lợn chế biến đạt khoảng 4.000 tấn, trị giá 940 triệu Baht (khoảng 26,3 triệu USD), giảm cả về lượng và giá trị, chủ yếu sang Nhật Bản, Campuchia, Hồng Kông và Lào. Năm 2026, xuất khẩu thịt lợn và sản phẩm chế biến của Thái Lan được kỳ vọng tăng nhẹ nhờ uy tín chất lượng sản phẩm.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu thịt lợn năm 2025 đạt khoảng 320 tấn, trị giá 115 triệu Baht (khoảng 3,2 triệu USD), tăng so với năm trước, chủ yếu từ Tây Ban Nha, Pháp và Đan Mạch. Nhập khẩu phụ phẩm lợn đạt 15.000 tấn, trị giá 245 triệu Baht (khoảng 6,9 triệu USD), tăng mạnh và chủ yếu từ Tây Ban Nha; dự kiến năm 2026 sẽ duy trì tương đương mức năm 2025..

Nguồn: Bộ Công thương



Tin liên quan



AGRE*i*NFOS

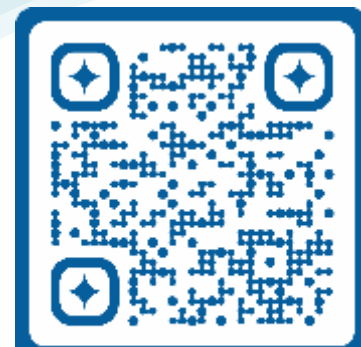
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo